



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG**

**ANNUAL  
REPORT 2012**  
Báo cáo thường niên 2012



Vững mạnh hiện tại - Phát triển tương lai





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG**  
**CUU LONG PETRO URBAN DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION**  
*Trụ sở: Số 2, lô KTM 06, đường số 6, Khu đô thị 5A, phường 4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.*  
*Điện thoại: (079) 3627999 - Fax: (079) 3627888 - Email: pvcl@dothi5a.com - Website: www.pvcl.com.vn*

---

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **2012**



## MỤC LỤC

<b>TOÀN CẢNH PVCL</b>	<b>1</b>
<b>I. Tóm lược về Công ty, mục tiêu và định hướng phát triển</b>	<b>3</b>
Tóm lược về Công ty	3
Quá trình hình thành và phát triển	3
Ngành nghề kinh doanh	3
Định hướng phát triển	4
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2011</b>	
<b>II. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	<b>1</b>
<b>III. Báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc</b>	<b>2</b>
<b>IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>5</b>
<b>V. Bản giải trình báo cáo tài chính</b>	<b>55</b>
<b>VI. Các công ty liên quan</b>	<b>56</b>
<b>VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ</b>	<b>57</b>
Tổ chức	57
Nhân sự	63
<b>VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>64</b>
Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát	64
Các sự kiện tiêu biểu của PVCL trong năm 2011	67
Các dữ liệu thống kê về cổ đông	70
<b>IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC</b>	<b>71</b>

## TOÀN CẢNH PVCL

### I. TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

#### 1. Tóm lược về Công ty:

- Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long**
- Tên tiếng Anh: **Cuu Long Petro Urban Development And Investment Corporation**
- Tên viết tắt: **PVCL**
- Địa chỉ: **Số 02, lô KTM 06, đường số 6, khu đô thị 5A, P.4, Tp.Sóc Trăng, Sóc Trăng.**
- Điện thoại: **(079) 3627999** Fax: **(079) 3627888**
- Email: **pvcl@dothi5a.com** Website: **www.pvcl.com.vn**

#### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long được hình thành trên nền tảng của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Minh Châu kêu gọi các đối tác hợp tác đầu tư thực hiện Dự án Phát triển Đô thị và Tái định cư Khu 5A - Mạc Đĩnh Chi, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Với diện tích 112,87 ha, dự án đã được Chủ tịch UBND Tỉnh Sóc Trăng ký Quyết định số 1288/QĐHC-CTUBND ngày 05/09/2007 và Quyết định số 297/QĐHC-CTUBND ngày 02/04/2008.

Ngày 29/11/2007, Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Minh Châu cùng các đối tác lớn có uy tín như Công ty cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi, Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam tiến hành cuộc họp Đại hội cổ đông sáng lập để thông qua dự thảo điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.

Ngày 05/12/2007, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long chính thức được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh vào ngày 05/12/2007 với vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 250.000.000.000 đồng.

Ngày 31/12/2007, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long đã được

các cổ đông lớn tham gia góp vốn như Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây, Công ty cổ phần Cơ điện lạnh (REE) và một số cổ đông lớn khác.

Ngày 02/04/2008, dự án Phát triển Đô thị và Tái định cư Khu 5A - Mạc Đĩnh Chi, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng chính thức được Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng chuyển đổi pháp nhân chủ đầu tư dự án từ Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Minh Châu sang cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long tại quyết định 297/QĐHC-CTUBND.

Bên cạnh đó, Công ty còn một số dự án đang lập thủ tục đăng ký làm chủ đầu tư Dự án Khu phố thương mại chợ Cỏ Cò tại Huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng và Dự án Khu đô thị thương mại Cảng Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đến tháng 07/2010 tổng tài sản Công ty đã đạt được gần 425 tỷ đồng.

Ngày 21/01/2011, Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM đã ký quyết định số 09/2011/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (PVCL).

Đến ngày 03/03/2011, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu lên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng nhà các loại, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, kinh doanh bất động sản, mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị văn phòng, trang trí nội thất, tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông nông thôn, thủy lợi nông thôn....

#### **4. Định hướng phát triển**

##### **4.1 Mục tiêu**

Mục tiêu của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long là trở thành một điểm sáng trong chiến lược phát triển các khu đô thị, khu dân cư trong địa bàn tỉnh Sóc Trăng nói riêng và khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long nói chung. Công ty đã và đang bước những bước đầu tiên vững chắc với tầm nhìn chiến lược, phát huy thế mạnh từ các cổ đông góp vốn; kết hợp cùng với sự năng động, đầy trách nhiệm của đội ngũ cán bộ - công nhân viên nhiều kinh nghiệm và cùng với sự gắn bó hỗ trợ nhiệt tình từ các đối tác; từ đó tin tưởng rằng Công ty sẽ mang lại nhiều kết quả khả quan và đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Định hướng trong 5 đến 10 năm tới của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long là trở thành một trong những công ty kinh doanh bất động sản hàng đầu của khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long trên cơ sở tạo điều kiện an cư lạc nghiệp và môi trường sinh sống, làm việc thoải mái và chất lượng cho người dân thông qua việc xây dựng và phát triển các công trình đô thị đa năng, hiện đại, xanh và sạch.

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long sẽ là cầu nối đem đến cho các nhà đầu tư và khách hàng những cơ hội mới, nhằm mang lại không những nguồn lợi nhuận cao cho khách hàng mà còn tạo dựng các giá trị bền vững và niềm tin cho các nhà đầu tư.

##### **4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

##### **Chiến lược về thị trường**

- Đổi mới công tác kinh doanh, tăng cường tiếp thị, quảng bá sản phẩm, nâng cao thương hiệu. Xây dựng thương hiệu PVCL là một thương hiệu mạnh trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản tại Đồng bằng Sông Cửu Long.

- Tập trung phát triển thị trường tại tỉnh Sóc Trăng và từng bước mở rộng ra khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

##### **Chiến lược tổ chức và phát triển doanh nghiệp**

Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long, kiện toàn bộ máy và xây dựng cơ chế điều hành, quản lý doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả. Xây dựng và phát triển Công ty với mức tăng trưởng ổn định, bền vững và có tính cạnh tranh cao.

##### **Chiến lược đầu tư**

- Chú trọng công tác phát triển dự án, xây dựng cơ chế quản lý chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu tiến độ, chất lượng đầu tư.

- Đầu tư nâng cao thiết bị theo hướng hiện đại, công nghệ mới và tiên tiến đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh phát triển với tốc độ cao, đảm bảo thi công các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao và đáp ứng kịp tiến độ.

##### **Chiến lược xây dựng và phát triển nguồn nhân lực**

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực con người của Công ty mạnh về mọi mặt, đủ về số lượng với trình độ học vấn và tay nghề cao, phù hợp với cơ chế quản lý tiên tiến và hiện đại.

##### **Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính**

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính, đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn cho các hoạt động đầu tư của Công ty có hiệu quả cao nhất.

- Khai thác triệt để mọi tiềm năng về vốn.

##### **Chiến lược ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào công tác quản lý điều hành**

- Xây dựng, áp dụng các loại hình quản lý điều hành phù hợp với trình độ trong nước và thế giới.

- Tăng cường ứng dụng các thành tựu về khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý điều hành nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tạo ra sự chuyên biến rõ rệt về chất và có tính cạnh tranh cao.

## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2011

#### 1. Tổ chức các cuộc họp và ra các văn bản của HĐQT:

HĐQT điều hành trực tiếp các hoạt động kinh doanh của Công ty nên hàng tháng HĐQT đều tổ chức các phiên họp định kỳ để cùng Ban lãnh đạo bàn thảo về kết quả sản xuất kinh doanh, tổng kết các thuận lợi khó khăn để đưa ra các giải pháp kịp thời và hợp lý cho các hoạt động kinh doanh của công ty.

Trong năm 2011, HĐQT của Công ty đã ban hành tổng cộng 34 văn bản các loại gồm nghị quyết, quyết định, biên bản làm việc.... Để chỉ đạo triển khai thực hiện các công tác khác nhau về Tổ chức nhân sự, tiền lương; quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính; đầu tư xây dựng; ban hành quy chế, quy định quản lý nội bộ.... và đưa ra các quyết định chỉ đạo kịp thời, điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình chung, mang lại hiệu quả đầu tư và ổn định phát triển cho Công ty.

Trong năm 2011 HĐQT cũng đã thông qua kế hoạch và tổ chức thực hiện việc niêm yết lên sàn giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM. Tiếp tục chỉ đạo xây dựng định hướng phát triển Công ty theo mô hình kêu gọi và hợp tác đầu tư các dự án thành phần nhằm thúc đẩy sự phát triển của khu đô thị 5A.

#### 2. Công tác sản xuất kinh doanh

HĐQT trực tiếp chỉ đạo và giám sát Ban lãnh đạo Công ty trong việc SXKD. Năm 2011 là năm có gặp nhiều khó khăn do nhiều yếu tố khách quan tác động, tình hình nuôi trồng thủy sản trong tỉnh gặp nhiều rủi ro và sản xuất nông nghiệp giá cả không ổn định... có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty, khiến tổng doanh thu của năm 2011 đạt thấp so với năm 2010, mặt khác tổng chi phí lại tăng cao hơn so với cùng kỳ do giá vốn hàng bán (nguyên vật liệu, nhân công) tăng, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng do đó lợi nhuận bị sụt giảm nhiều so với năm trước.

Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2011 như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	Tỷ lệ
Tổng Doanh thu	150.000	81.185	54,12%
Lợi nhuận trước thuế	27.000	9.654	35,76%
Lợi nhuận sau thuế	22.500	8.158	36,26%
Vốn điều lệ	250.000	250.000	100%
Tỷ suất LNST/ VDL	9,00%	3,26%	

#### Các quyết định về đầu tư trong năm 2011:

Trong năm 2011, Công ty tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các hạng mục công trình cơ sở hạ tầng và nhà ở của dự án Khu 5A cũng như xúc tiến đầu tư các dự án mới mở rộng hoạt động kinh doanh của công ty, bao gồm:

- Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Nhứt Trung Anh xây dựng Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Thăng Long tại Km 2133 + 985, Quốc lộ 1A, Khóm 3, Phường 10, TP.Sóc Trăng;
- Đầu tư xây dựng Khu phố chợ Trung tâm thành phố Sóc Trăng tại khu vực đường Nguyễn Huệ, Nguyễn Du và đường 30/4, bao gồm 96 căn hộ, trong đó xây dựng 59 căn cho hộ dân và 37 căn đầu tư đưa vào kinh doanh.

#### 3. Hoạt động giám sát của HĐQT

HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT. Ngoài ra, HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy trình quy chế này trong mọi mặt hoạt động của Công ty. Hoạt động của Ban Kiểm soát, bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty trong năm 2011 cũng được tăng cường nhằm phát huy vai trò quan trọng trong việc giám sát hoạt động của Công ty, kịp thời phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà cho việc phát triển bền vững, đảm

bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, Nhà nước, của cổ đông và đối tác cũng như quyền lợi của người lao động.

Ban Lãnh đạo, cán bộ phụ trách các phòng ban, bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không để xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí, cũng như các rủi ro tác nghiệp.

Công ty PVCL đã nghiên cứu tham khảo các mô hình tổ chức quản trị tốt để xây dựng và cho áp dụng Quy chế quản trị nội bộ Công ty nhằm từng bước chuẩn hoá công tác quản lý, điều hành, hạn chế những rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra kiểm soát.

### **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2012:**

Trên cơ sở kết quả thực hiện trong năm 2011, căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ Công ty, HĐQT định hướng một số hoạt động trọng tâm trong năm 2012 như sau:

**1. Chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc Công ty thực hiện tốt mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012. Cụ thể:**

- Tổng doanh thu: 180 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 28,8 tỷ đồng.
- Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu: 16%.

**2. Phương hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2012:**

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2012, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2012;

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra giám sát; củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy điều hành công ty nhằm nâng cao hiệu quả SXKD; giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban lãnh đạo, đặc biệt trong các công tác triển khai các dự án mới;

- Đẩy mạnh công tác quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng doanh thu, lợi nhuận đối

với mảng kinh doanh chính là các sản phẩm nhà đất do công ty đầu tư xây dựng. Đặc biệt khai thác tốt các lợi thế của Khu 5A, đẩy nhanh tốc độ khai thác kinh doanh, kêu gọi các đối tác đầu tư vào các dự án thành phần, tạo doanh thu tương xứng với hạ tầng cơ sở đã được đầu tư.

- Chỉ đạo Công ty xây dựng chiến lược về vốn, huy động vốn như: Thị trường chứng khoán, liên kết với các Ngân hàng, các tổ chức tín dụng để thu xếp vốn cho các dự án đang triển khai;

- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch;

- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; hàng tháng tổ chức phiên họp thường kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tổ chức các cuộc họp bất thường để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Với quyết tâm cao của HĐQT, Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty, sự đóng góp ý kiến xây dựng công ty của quý vị cổ đông tại đại hội này cũng như bất cứ đại hội nào khác, chúng tôi tin tưởng rằng, năm 2012 sẽ vượt qua những khó khăn thách thức và ổn định được sự phát triển bền vững của công ty.

Hội đồng quản trị Cty PVCL mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó của các cổ đông, Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên PVCL nỗ lực hết sức để vượt qua mọi thách thức, giữ vững và thúc đẩy đà phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho cổ đông.

Kính chúc quý vị đại biểu, toàn thể cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Sóc Trăng, ngày 14 tháng 04 năm 2012

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Triệu Đông**

### III. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2011 tình hình kinh tế Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn, chính sách thắt chặt tiền tệ cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, với những nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ nhân viên cùng sự chỉ đạo sâu sát của ban lãnh đạo, Công ty cũng đã vượt qua khó khăn và gặt hái những kết quả nhất định trong sản xuất kinh doanh.

Năm 2011 là năm thứ tư Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đã đi vào ổn định, có một số thuận lợi cơ bản:

- Lực lượng lao động trẻ, năng động, nhiệt tình và đã dần bắt kịp yêu cầu trong sản xuất kinh doanh;
- Các quy định, quy chế nội bộ được đưa vào áp dụng có hiệu quả; vốn điều lệ ổn định đã tạo điều kiện tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Công ty được các cấp chính quyền ban ngành trong tỉnh ủng hộ về nhiều mặt.
- Có nguồn khách hàng tiềm năng nhờ vào các dự án phát triển của tỉnh.

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên năm 2011 và Đại hội Cổ đông bất thường bằng văn bản, bổ sung điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, trong năm qua Hội đồng Quản trị cùng tập thể CB-CNV Công ty đã nỗ lực ra sức phấn đấu để thực hiện các nhiệm vụ được giao, trong năm 2011 kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được những kết quả như sau:

#### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2011

##### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh

###### 1.1. Tài sản - nguồn vốn:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện		(%) tăng(+)/ giảm(-)
	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011	
Tài sản	556.780	444.011	+25,40%
Tài sản ngắn hạn	460.842	369.717	+24,65%

Tài sản dài hạn	95.937	74.294	+29,13%
<b>Nguồn vốn</b>	<b>556.780</b>	<b>444.011</b>	<b>+25,40%</b>
Nợ phải trả	290.715	160.289	+81,37%
Vốn chủ sở hữu	266.064	283.721	-6,22%

##### 1.2. Kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện		(%) tăng(+)/ giảm(-)
	Năm 2011	Năm 2010	
<b>I. Tổng doanh thu</b>	<b>81.185</b>	<b>163.658</b>	<b>-50,39%</b>
Doanh thu bán hàng & dịch vụ	79.115	162.333	-51,26%
Doanh thu hoạt động tài chính	797	1.270	-37,24%
Doanh thu hoạt động khác	1.272	54	2233,33%
<b>II. Tổng chi phí</b>	<b>71.530</b>	<b>116.739</b>	<b>-38,73%</b>
Chi phí giá vốn hàng bán	63.295	111.298	-43,13%
Chi phí tài chính	797	1.270	-37,24%
Chi phí bán hàng	793	590	34,38%
Chi phí QLDN	4.963	3.490	42,20%
Chi phí khác	1.680	88	1790,52%
<b>III. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>9.654</b>	<b>46.919</b>	<b>-79,42%</b>
IV. Thuế TNDN	1.495	10.859	-86,23%
<b>V. LN sau thuế</b>	<b>8.158</b>	<b>36.059</b>	<b>-77,37%</b>
VI. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	326	1.656	-80,31%

##### 1.3. Kết quả thực hiện kế hoạch một số chỉ tiêu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	Tỷ lệ
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>150.000</b>	<b>81.185</b>	<b>54,12%</b>
% thay đổi		-45,88%	
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>27.000</b>	<b>9.654</b>	<b>35,76%</b>
Tỷ suất LN trước thuế /DThu		11,89%	



<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>22.500</b>	<b>8.158</b>	<b>36,26%</b>
Tỷ suất LNST/ Doanh thu	15,00%	10,05%	
<b>Vốn điều lệ</b>	<b>250.000</b>	<b>250.000</b>	<b>100%</b>
Tỷ suất LNST/ Vốn điều lệ	9,00%	3,26%	

## 2. Tình hình các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính

### 2.1. Công tác đầu tư:

#### 2.1.1. Về xây dựng cơ sở hạ tầng DA Khu 5A:

Tập trung hoàn thiện hạ tầng ở khu bờ nam kênh Nhân Lực thuộc tiểu dự án 1,3,5 và bờ bắc kênh Nhân Lực thuộc tiểu dự án 2 và 4 với khối lượng thực hiện (cộng dồn) đến nay:

- Lắp đặt cống thoát nước mặt 21.221 m
- Lắp đặt thoát nước bản 8.558 m
- Lót gạch vỉa hè 27.891 m<sup>2</sup>
- Và trồng cây xanh các công viên và dọc các tuyến đường được 75.744,5 m<sup>2</sup>.

Tiếp tục san lấp và định hình các trục đường ở khu bờ bắc kênh Nhân Lực thuộc tiểu dự án 2 và 4, cụ thể:

- Bơm cát san lấp mặt bằng 123.405 m<sup>3</sup>
- Tổng khối lượng san lấp đến nay là: 952.966 m<sup>3</sup>

#### 1.1.2. Về xây dựng nhà ở:

Trong năm 2011 xây dựng được tổng cộng 292 căn, bao gồm:

- Xây 1 dãy nhà trệt: 26 căn
- Xây dãy 1 trệt 1 lầu LK26, LK24 : 47 căn
- Xây dãy 1 trệt 2 lầu KTM 06 : 6 căn

Ngoài ra các loại nhà khác như:

- Biệt thự song lập : 1 căn
- Biệt thự đơn lập : 2 căn
- Trụ sở Cty PVCL : 1 căn lớn
- Dân tái định cư xây :

### 2.2. Công tác thị trường:

- Năm 2011 dự án bờ kè sông Maspero của TP.Sóc Trăng tiếp tục việc bồi hoàn di dời giải tỏa các hộ dân, cùng với các dự án khác của tỉnh đã tạo nguồn khách hàng cho khu 5A. Năm bắt được những yếu tố thuận lợi, công ty đã có những bước đi phù hợp để đáp ứng thị hiếu khách hàng, vừa giao nền cho

dân tái định cư vừa xây nhà để bán cho rộng rãi các đối tượng khách hàng.

- Bên cạnh việc tăng cường nghiên cứu thiết kế nhà ở có mẫu mã đẹp, giá cả phù hợp, Công ty đã triển khai các hình thức quảng cáo phù hợp khả năng tài chính như tài trợ cho các Chương trình do đài PTTH Sóc Trăng tổ chức kết hợp thực hiện phim tự giới thiệu, tham gia quảng cáo trên các tạp chí chuyên ngành đầu tư, kinh doanh bất động sản, báo Sóc Trăng, đồng thời thiết kế in ấn các tờ rơi, catalog và các bảng pano quảng cáo ngoài trời... đã quảng bá hình ảnh một khu 5A sống động và hiện đại đã kích thích doanh số hàng quý được khá ổn định.

### 2.3. Công tác tài chính :

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính tại đơn vị, chấp hành tốt Luật Kế toán, Luật Thống kê, đảm bảo thực hiện đúng theo yêu cầu về Luật thuế GTGT.

- Hoàn tất các thủ tục để tiến hành niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

## 3. Tình hình các công tác khác:

### 3.1. Về thủ tục pháp lý:

- Tiền sử dụng đất Khu 5A đã nộp đến nay được 211 tỷ đồng, số tiền còn lại sẽ được hoàn tất khi được điều chỉnh diện tích của dự án theo thực tế.

- Tiếp tục triển khai việc giao nền cho dân tái định cư của dự án bờ kè sông Maspero, thành phố Sóc Trăng.

### 3.2. Công tác tổ chức lao động tiền lương:

- Về nhân sự: Đến cuối năm 2011: là 114 người (tăng 21 người), trong đó có 72 đoàn viên công đoàn (chiếm tỉ lệ 65,5% so với CB-CNV trong toàn Công ty).

#### - Chính sách, tiền lương:

+ Thu nhập bình quân đầu người là 4 triệu đồng/người/ tháng,

+ CB-CNV khi được tuyển dụng, qua thời gian thử việc được ký kết Hợp đồng lao động và tham gia BHXH, BHYT và BHTN.

+ 100% CB-CNV được khám sức khỏe theo định kỳ trong năm.

#### - Về công tác đào tạo CB-CNV:

Trong năm, có 18 lượt CB-CNV được tham dự các khóa đào tạo ngắn hạn và dài hạn do các đơn vị đào tạo cấp Quốc gia tổ chức (như: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp Trường Đại học Kinh tế TP HCM; Viện Quản trị và Tài chính...) về kỹ năng Bán hàng chuyên nghiệp; Nghệ thuật đàm phán trong thu hồi nợ; Giám đốc điều hành; Giám đốc Nhân sự; Ứng dụng phần mềm kế toán Vietsun trong quản lý và tự in hóa đơn; Những quy định pháp luật mới về hợp đồng trong xây dựng; Phương thức Quảng bá trên Website hiện đại và nhiều lượt cán bộ Công đoàn được tham dự các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ Công đoàn do LĐLĐ thành phố Sóc Trăng tổ chức.

- Về công tác trang bị bảo hộ, an toàn vệ sinh lao động:

Hàng năm, Công ty đều trang bị và cấp phát đầy đủ đồng phục, dụng cụ bảo hộ lao động phù hợp với tính chất công việc của từng bộ phận. Đối với nhân viên văn phòng: Nam (04 áo sơ mi/người/năm), Nữ (04 áo sơ mi, 02 bộ comple). Riêng nhân viên trực tiếp sản xuất ngoài được cấp đồng phục 03 bộ/người/năm còn được trang bị mũ bảo hộ, giày, găng tay...

### **3.3. Các hoạt động chăm lo đời sống CB-CNV, Đoàn viên Công đoàn:**

- CB-CNV có thời gian công tác tại Công ty từ 1 năm trở lên được BGĐ tạo điều kiện cho mua nhà trả góp trong 10 năm. Bên cạnh đó, để góp phần cải thiện đời sống và tạo môi trường làm việc, ăn nghỉ, sinh hoạt thuận lợi, lành mạnh cho CB-CNV, BGĐ Công ty xây dựng Khu nhà ở (có 06 phòng) và bếp ăn tập thể phục vụ cho số anh em nhà xa; đồng thời, Công ty còn đầu tư vốn phát triển đàn bò, heo, ao cá và hỗ trợ mặt bằng, kinh phí xây dựng quán cà phê giải khát và 04 sân bóng đá mini vừa tạo thêm nguồn quỹ Công đoàn công ty vừa phục vụ nhu cầu thể dục, thể thao, rèn luyện thân thể, thư giãn cho CB-CNV, người lao động sau giờ làm việc mệt mỏi.

Mặc dù các kết quả đạt được nêu trên là rất đáng khích lệ, nhưng để Công ty tiếp tục phát triển vững chắc, chúng ta cần phải tập trung hơn nữa trong chính sách tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý và kỹ thuật. Phải có chiến lược kinh doanh cụ thể trong ngắn hạn và dài hạn, tránh

làm việc theo kiểu cảm tính gây lãng phí và không hiệu quả. Chú trọng nghiên cứu phát triển thêm nhiều sản phẩm nhà ở mới với mẫu mã đẹp và giá cả cạnh tranh. Đồng thời, cần tăng cường nghiệp vụ kinh doanh ngày càng chuyên nghiệp hơn phù hợp với yêu cầu ngày càng cao theo đà phát triển của công ty.

## **PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2012**

Để tiếp tục duy trì và phát huy những thành quả đã đạt được trong năm 2011, cũng như tận dụng và khai thác một cách triệt để các nguồn lực hiện có của đơn vị nhằm mục đích phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh năm 2012. Nay, Ban Giám đốc Công ty lập các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 để quyết tâm phấn đấu cụ thể như sau:

### **CÁC MỤC TIÊU SXKD NĂM 2012:**

#### **1. Về thủ tục pháp lý :**

- Hoàn tất việc nộp tiền sử dụng đất và hoàn tất việc xin cấp giấy CNQSDĐ các lô đất khai thác kinh doanh còn lại thuộc bờ Bắc kênh Nhân Lực (thuộc tiểu dự án 2 và 4, Khu 5A).

- Tiếp tục xúc tiến kêu gọi đầu tư vào 19 dự án thành phần các công trình cao cấp và hạ tầng xã hội.

- Lập sàn giao dịch bất động sản đặt tại văn phòng trụ sở Công ty.

#### **2. Về đầu tư cơ sở hạ tầng Khu 5A:**

- Tiếp tục đẩy nhanh thi công hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục công trình kiến trúc của dự án khu 5A. Đặc biệt thi công hoàn chỉnh các tuyến đường chính của các tiểu dự án 2, 3 và 4, để tạo quỹ đất khai thác kinh doanh.

- Lắp đặt hoàn chỉnh các trụ đèn chiếu sáng công cộng ở trục đường chính của khu vực bờ Bắc kênh Nhân Lực.

- Thảm nhựa các trục đường chính như đường số 5, số 6,... và hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật của tiểu dự án 1 và 5 bàn giao hạ tầng cho Nhà nước quản lý.

- Tiếp tục đầu tư thêm 1 khu chợ đáp ứng nhu cầu mua bán của bà con và làm động lực phát triển cho khu 5A.

#### **3. Về xây dựng nhà ở:**

- Tiếp tục xây dựng nhà ở để bán thuộc TDA 1 và 5.
- Khai thác các lô nền đất ở dọc theo 2 bên đường số 8 và số 7, số lượng khoảng 150 căn, gồm nhà trệt và nhà 2 tầng; thiết kế và xây dựng một số lô biệt thự song lập và đơn lập kích thích sự phát triển của khu vực có thu nhập cao. Đưa vào khai thác kinh doanh song song với đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm tạo nguồn vốn cho tái đầu tư, đảm bảo tính khả thi của dự án.
- Các hộ tái định cư thuộc dự án bờ kè sông Maspero sẽ tùy chọn việc mua nền để tự xây nhà hoặc mua nhà xây sẵn.

#### **4. Về đầu tư các dự án khác:**

- Hoàn tất và đưa vào sử dụng Khu phố chợ trung tâm thành phố Sóc trăng.
- Hoàn tất và đưa vào hoạt động Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Thăng Long (đây là dự án hợp tác với Công ty Nhứt Trung Anh).

### **GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2012.**

Trong năm 2012 dự kiến tình hình khó khăn vẫn còn tiếp tục, kế hoạch SXKD năm 2012 có chỉ tiêu tăng trưởng so với năm 2011, để đảm bảo thực hiện kế hoạch này, Công ty dự kiến sẽ tập trung vào các nhóm giải pháp sau:

#### **1. Kiện toàn bộ máy và xây dựng cơ chế điều hành, quản lý Doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả:**

- Tăng cường sự chỉ đạo tập trung thống nhất; Duy trì và nâng cao năng lực bộ máy quản lý, bộ máy điều hành của Công ty theo hướng phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Tăng cường trao đổi thông tin phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban, đơn vị, thực hiện hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp.
- Kiện toàn bộ máy điều hành Công ty; chủ động sắp xếp, bố trí nhân sự, bổ sung nhân sự có năng lực để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV

của Công ty nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Xây dựng cơ chế khen thưởng hoàn thành kế hoạch SXKD cho bộ máy điều hành của Công ty. Xây dựng quy chế tuyển dụng và chính sách đãi ngộ hợp lý nhằm thu hút nhân tài về làm việc cho Công ty.

#### **2. Chú trọng công tác phát triển dự án, xây dựng cơ chế quản lý chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu tiến độ, chất lượng đầu tư.**

- Quan tâm tìm kiếm các dự án mới nhằm tạo đà phát triển bền vững cho Công ty.
- Chú trọng thực hiện kiện toàn thủ tục trình tự đầu tư theo đúng các quy chế, quy định về quản lý đầu tư của Nhà nước và của Công ty.
- Lập tiến độ thi công chi tiết các công trình triển khai thi công; Tăng cường công tác giám sát, quản lý đơn đốc các nhà thầu có biện pháp thi công hợp lý đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án và đảm bảo các mục tiêu hoàn thành tiến độ.
- Thường xuyên đơn đốc các nhà thầu hoàn tất các thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán theo đúng giai đoạn. Giải ngân vốn kịp thời cho các nhà thầu thi công. Đẩy nhanh công tác quyết toán các hạng mục công trình hoàn thành của các dự án. Kiên quyết áp dụng các chế tài đối với các nhà thầu vi phạm về tiến độ thi công, hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán.

#### **3. Đổi mới công tác kinh doanh, tăng cường tiếp thị, quảng bá sản phẩm, nâng cao thương hiệu.**

- Kiện toàn bộ máy giao dịch bất động sản để triển khai kinh doanh các sản phẩm nhà đất của dự án.
- Đổi mới phương thức tiếp cận khách hàng, tăng cường quảng bá hình ảnh Công ty và các sản phẩm của Công ty để mở rộng thị trường.
- Tích cực tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư đối với các dự án thành phần thương mại và dịch vụ cao cấp của Khu 5A...
- Xây dựng quy chế chăm sóc khách hàng, phương án quản lý, vận hành các Khu phố, làm tốt công tác hậu mãi đối với khách hàng...

- Tăng cường công tác quảng cáo, quảng bá thương hiệu bằng các phương tiện thông tin hữu hiệu như đài PTTH, pano, catalog, tờ rơi,...

**4. Bám sát kế hoạch, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện các mục tiêu trọng điểm làm cơ sở đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.**

- Nâng cao chất lượng công tác kế hoạch, giao chỉ tiêu KHSXKD gắn liền với các chỉ tiêu Tài chính - kế toán, Lao động - tiền lương để gắn liền trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của các phòng ban đối với nhiệm vụ SXKD.

- Tăng cường giám sát thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý làm cơ sở đôn đốc các phòng ban và Ban quản lý dự án thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch SXKD.

**5. Nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính, đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD.**

- Quan hệ với các tổ chức Tài chính, Tín dụng để tài trợ vốn cho việc triển khai đầu tư của Công ty, và hỗ trợ cho khách hàng mua nhà đất tại Dự án của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn cho các hoạt động đầu tư của Công ty có hiệu quả cao nhất.

- Tập trung thu hồi dứt điểm tiền khách hàng còn nợ để đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động của Công ty.

- Thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch và quản lý tài chính, kế hoạch chi phí, kế hoạch vốn và lập báo cáo tài chính theo đúng pháp luật Nhà nước và các quy định của Công ty, tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

- Tăng cường công tác thông tin, tiếp xúc với các Cổ đông, Nhà đầu tư trong và ngoài nước.

**CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KẾ HOẠCH CHỦ YẾU NĂM 2012:**

- Tổng doanh thu: **180 tỷ đồng.**
- Lợi nhuận sau thuế: **28,8 tỷ đồng.**
- Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu: **16%.**

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2011 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.

Với các kết quả tốt đẹp đã đạt được trong năm 2011, cùng với sự lãnh đạo của BGD và Hội đồng quản trị Công ty, sự đồng lòng ủng hộ của toàn thể các quý vị Cổ đông, chúng tôi tin tưởng rằng Công ty CP Đầu tư và phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2012 đã đề ra, đáp ứng được niềm tin và sự kỳ vọng của các Cổ đông.

Thay mặt Hội Đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty, tôi xin chúc toàn thể các Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông hạnh phúc, thành đạt và nhiều sức khỏe.

Xin trân trọng cảm ơn!

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



**Nguyễn Triệu Đông**

## IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG**  
*Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011*

*Đã được kiểm toán*  
**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN  
VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**  
Địa chỉ : 29 Võ Thị Sáu, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84.8).38205944 - 38205947 Fax: (84.8).38205942

### MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	08 – 10
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	11 – 11
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	12 – 15
- Kết quả hoạt động kinh doanh	16 – 16
- Bảng lưu chuyển tiền tệ	17 – 18
- Thuyết minh báo cáo tài chính	19 – 54

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư Và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long** được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 2200280598 ngày 05/12/2007 và thay đổi lần thứ 7 ngày 28 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại, dịch vụ, sản xuất công nghiệp

**Trụ sở chính:** Số 02, lô KTM 06, Đường số 06, Khu đô thị 5A, P.4, Tp.Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

- Trồng mua bán hoa, cây cảnh
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao
- Xây dựng nhà các loại, công trình giao thông, công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác, phá vỡ chuẩn bị mặt bằng.
- Lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước, hệ thống lò sưởi, và điều hòa không khí, hệ thống xây dựng khác; hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
- Buôn bán tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Hoạt động kiến trúc, đo đạc bản đồ, thăm dò địa chất, nguồn nước, tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.
- Buôn bán đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, máy điều hòa nhiệt độ, máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, và các thiết bị khác dùng trong mạch điện), giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng.
- Buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông.
- Thiết kế công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông nông thôn, thủy lợi nông thôn.
- Tư vấn, giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi nông thôn, công nghiệp.

**Vốn điều lệ:** Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 250.000.000.000 đồng.

**Công ty liên kết:** Công ty TNHH Nhứt Trung Anh.

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

- Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 8.158.854.234 đ (Năm 2010 là 36.059.886.855 đ).
- Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2011 là: 8.434.851.150 đ (Năm 2010 là 27.315.710.476 đ)

### **Các sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ lập báo cáo tài chính.**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

#### **Thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:**

Ông: Nguyễn Triệu Dũng	Chủ tịch HĐQT
Ông: Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên
Ông: Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên
Ông: Trương Văn Phước	Thành viên
Ông: Dương Thế Nghiêm	Thành viên

#### **Thành viên Ban Giám đốc bao gồm:**

Ông: Nguyễn Triệu Dũng	Giám đốc
Ông: Nguyễn Sông Gianh	Phó Giám đốc
Ông: Dương Thế Nghiêm	Phó Giám đốc

#### **Thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:**

Ông: Dương Ngọc Đức	Trưởng Ban kiểm soát
Ông: Trần Văn Bửu	Thành viên
Bà: Trần Thị Mỹ Khanh	Thành viên

#### **Kế toán trưởng**

Ông: Lê Phước Sang

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng tiền lưu chuyển cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Sóc Trăng, ngày 12 tháng 01 năm 2012

**TM. Hội đồng Quản trị**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**



**Nguyễn Triệu Đông**

Sóc Trăng, ngày 12 tháng 01 năm 2012

**TM. Ban Giám Đốc**  
**Giám đốc**

**Nguyễn Triệu Đông**



Số : ...../BCKT/TC

Tp Hồ Chí Minh, ngày ... tháng .... năm 2012

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011  
Của Công ty CP Đầu tư Và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long*

### **Kính gửi:**

- **Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long**
- **Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long**
- **Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu tư Và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long được lập ngày 12/01/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang **20 đến trang 55**.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến:***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; Đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### ***Ý kiến của kiểm toán viên:***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Đầu tư Và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng tiền lưu chuyển cho năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính  
Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS)



**Tổng Giám đốc**

**Lê Văn Tuấn**

Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

**Kiểm toán viên**

**Đỗ Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b><u>PHẦN TÀI SẢN</u></b>				
<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>460.842.538.943</b>	<b>369.717.088.046</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>901.277.994</b>	<b>8.519.815.801</b>
1. Tiền	111		901.277.994	8.519.815.801
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>2</b>	<b>70.335.324.538</b>	<b>60.645.526.640</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	2.1	51.357.671.810	44.945.715.148
2. Trả trước cho người bán	132	2.2	18.977.652.728	15.699.811.492
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	2.3		
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>389.605.936.411</b>	<b>300.551.745.605</b>
1. Hàng tồn kho	141	3	389.605.936.411	300.551.745.605
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +240 +250 +260)</b>	<b>200</b>		<b>95.937.498.214</b>	<b>74.294.275.490</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>59.384.681.269</b>	<b>64.068.541.828</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4	59.384.681.269	64.068.541.828
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>5</b>	<b>15.839.668.808</b>	<b>10.208.150.558</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.1	15.817.200.295	5.066.363.557

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG**

- Nguyên giá	222		17.230.207.748	6.223.331.206
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.413.007.453)	(1.156.967.649)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>5.2</b>	<b>22.468.513</b>	<b>30.877.909</b>
- Nguyên giá	228		42.047.000	42.047.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(19.578.487)	(11.169.091)
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>			<b>5.110.909.092</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>20.640.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	6	20.640.000.000	
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>73.148.137</b>	<b>17.583.104</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	73.148.137	17.583.104
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>			<b>556.780.037.157</b>	<b>444.011.363.536</b>

<b><u>PHẦN NGUỒN VỐN</u></b>				
<b>A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>290.715.465.783</b>	<b>160.289.760.972</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>8</b>	<b>188.215.465.783</b>	<b>85.289.760.972</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	8.1	149.500.000.000	72.500.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	8.2	9.452.808.413	3.248.659.545
3. Người mua trả tiền trước	313	8.3	7.300.866.361	1.658.060.100
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	8.4	6.570.843.115	5.120.866.601
5. Phải trả người lao động	315	8.5	1.315.621.077	
6. Chi phí phải trả	316	8.6	8.098.266.667	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	8.7	2.400.000.000	-

khác				
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		3.577.060.150	2.762.174.726
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>102.500.000.000</b>	<b>75.000.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	9	102.500.000.000	75.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 =410 +420)</b>	<b>400</b>		<b>266.064.571.374</b>	<b>283.721.602.564</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>10</b>	<b>266.064.571.374</b>	<b>283.721.602.564</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.086.480.149	4.270.594.725
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.543.240.075	2.135.297.363
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		8.434.851.150	27.315.710.476
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>556.780.037.157</b>	<b>444.011.363.536</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*


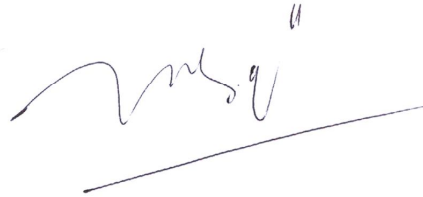
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

*Tp.Sóc Trăng, ngày 12 tháng 01 năm 2012*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**


**Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm**

**Lê Phước Sang**

**Nguyễn Triệu Đông**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Năm 2011*

Đơn vị tính: VND

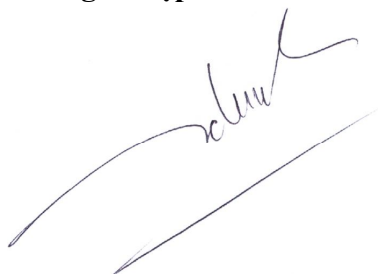
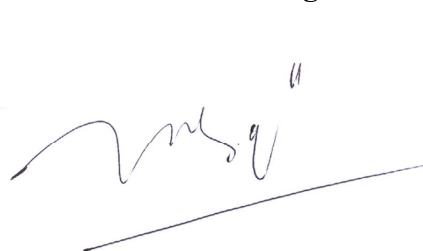
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2011	NĂM 2010
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>01</b>	11.1	<b>83.562.691.338</b>	<b>162.333.653.443</b>
2. Các khoản giảm trừ	03		4.447.626.041	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)</b>	<b>10</b>		<b>79.115.065.297</b>	<b>162.333.653.443</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	12	<b>63.295.845.720</b>	<b>111.298.593.891</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>15.819.219.577</b>	<b>51.035.059.552</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	11.2	797.428.815	1.270.658.656
7. Chi phí tài chính	22	13	797.428.815	1.270.658.656
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		797.428.815	1.270.658.656
8. Chi phí bán hàng	24	14	793.440.213	590.459.908
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15	4.963.189.648	3.490.391.122
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>10.062.589.716</b>	<b>46.954.208.522</b>
11. Thu nhập khác	31	11.3	1.272.727.273	54.545.455
12. Chi phí khác	32	16	1.680.688.430	88.900.975
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(407.961.157)</b>	<b>(34.355.520)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>9.654.628.559</b>	<b>46.919.853.002</b>
<b>15. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	17	<b>1.495.774.325</b>	<b>10.859.966.147</b>
<b>16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>8.158.854.234</b>	<b>36.059.886.855</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	18	<b>326</b>	<b>1.656</b>

Tp.Sóc Trăng, ngày 12 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm

Lê Phước Sang

Nguyễn Triệu Đông

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	NĂM 2011	NĂM 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	92.536.644.856	89.072.481.192
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(58.075.904.540)	(97.327.134.398)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.179.610.462)	(4.625.345.717)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(30.033.178.848)	(19.582.414.824)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(7.994.181.664)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	111.353.113.165	160.120.781.646
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(94.899.185.627)	(187.321.729.959)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>15.701.878.544</b>	<b>(67.657.543.724)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(273.741.455)	(149.744.682)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.640.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	797.428.815	1.270.658.656
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(20.116.312.640)</b>	<b>1.120.913.974</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		56.736.250.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	159.473.433.483	78.011.585.240
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(138.405.818.444)	(70.500.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		

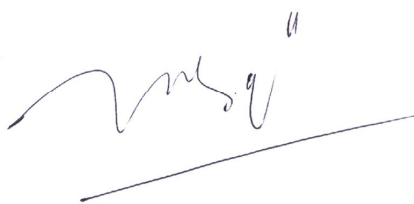
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.271.718.750)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.204.103.711)</b>	<b>64.247.835.240</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(7.618.537.807)</b>	<b>(2.288.794.510)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>8.519.815.801</b>	<b>10.808.610.311</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>901.277.994</b>	<b>8.519.815.801</b>


*Tp.Sóc Trăng, ngày 12 tháng 01 năm 2012*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm**

**Lê Phước Sang**

**Nguyễn Triệu Đông**



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

## I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 2200280598 ngày 05/12/2007 và thay đổi lần thứ 7 ngày 28 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Sóc Trăng cấp.

Vốn điều lệ: Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 250.000.000.000 đồng

### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ, sản xuất công nghiệp

### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng mua bán hoa, cây cảnh
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao
- Xây dựng nhà các loại, công trình giao thông, công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác, phá vỡ chuẩn bị mặt bằng.
- Lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước, hệ thống lò sưởi, và điều hòa không khí, hệ thống xây dựng khác; hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
- Buôn bán tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Hoạt động kiến trúc, đo đạc bản đồ, thăm dò địa chất, nguồn nước, tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.
- Buôn bán đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, máy điều hòa nhiệt độ, máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, và các thiết bị khác dùng trong mạch điện), giường, tủ, bàn, ghế và đồ dụng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng.
- Buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông.
- Thiết kế công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông nông thôn, thủy lợi nông thôn.
- Tư vấn, giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi nông thôn, công nghiệp.

## II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 1. Niên độ kế toán:

Kỳ kế toán năm đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 05/12/2007 đến ngày 31/12/2008, các kỳ kế toán năm tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam (VND)

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung

#### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

##### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền : tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:**

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo phù hợp với chuẩn mực kế toán số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 02 “hàng tồn kho”.

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Đánh giá theo giá gốc, bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

##### **3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư**

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Đánh giá nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 03 “TSCĐ hữu hình” và chuẩn mực kế toán số 04 “TSCĐ vô hình”.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao theo TT 203/2009/TT - BTC của Bộ Tài chính ngày 20/10/2009.

- Hợp đồng thuê tài chính: không có.

- Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15 năm
+ Máy móc, thiết bị	08 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải	06 – 08 năm
+ Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
+ Tài sản cố định vô hình	05 năm

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:** không có

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Theo giá gốc, trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư như các tài sản khác.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: được ghi nhận và trình bày theo phương pháp giá gốc và chi tiết theo từng đơn vị đầu tư, thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 07 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết" và chuẩn mực số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con".

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn: Không có phát sinh

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận và trình bày theo phương pháp giá gốc và chi tiết theo từng đơn vị đầu tư.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:**

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

- Chi phí trả trước, các khoản chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí ngắn hạn và được tính ngay vào chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

- Các chi phí sau đây phát sinh trong năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần và kết quả hoạt động kinh doanh gồm:

+ Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

+ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

+ Những khoản chi phí trả trước có liên quan tới nhiều niên độ hoặc chu kỳ sản xuất.

- Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

- Việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 34/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2011 của Bộ Tài chính.

#### **10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

- Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- + Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được phân loại là nợ dài hạn.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng; doanh thu cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính: việc ghi nhận được thực hiện tuân thủ phù hợp với chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác".

- Doanh thu hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
  - + Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
  - + Chi phí cho vay và đi vay vốn;
  - + Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:** thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 17 "Thuế thu nhập doanh nghiệp".

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>418.312.412</b>	<b>7.883.321.047</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>482.965.582</b>	<b>636.494.754</b>
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>482.965.582</i>	<i>636.494.754</i>
- Ngân hàng NN&PT NT Việt Nam - CN Sóc Trăng	299.431.235	74.551.754
- Ngân hàng NN&PT NT Việt Nam - CN Ba Xuyên	11.289.600	11.018.300
- Ngân hàng NN&PT NT Việt Nam - PGD Khánh Hưng	3.403.811	3.322.011
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	29.978.899	345.504.455
- Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL - CN Sóc Trăng	131.862.500	20.161.761
- Ngân hàng Đầu tư và PT Việt Nam - CN Sóc Trăng	5.999.537	181.936.473
- Ngân hàng VietinBank - CN Sóc Trăng	1.000.000	
<i>Tiền gửi ngoại tệ (USD)</i>		
<b>Tiền đang chuyển</b>		
<b>Các khoản tương đương tiền</b>		
<b>Tổng cộng</b>	<b>901.277.994</b>	<b>8.519.815.801</b>

**Ghi chú:**

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2011 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2011 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng

**2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

**2.1. Phải thu khách hàng**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
	<b>51.357.671.810</b>	<b>44.945.715.148</b>

**Chi tiết số dư khoản mục phải thu khách hàng của Công ty tại ngày 31/12/2011 là:**

- Cty TNHH Nhân Lực	1.671.313.679	30.000.000
- Cty TNHH Tài Lực	1.946.630.944	
- Cty TNHH Tư vấn Thiết kế kiến trúc Xây dựng Bách Việt	430.048.129	110.294.500
- DNTN Nhà hàng Hải Tượng	356.928.000	
- Nguyễn Hoàng Phong		4.000.000.000
- Nguyễn Thị Xi		4.400.000.000
- Công ty TNHH Thuận Tiến	14.300.000	
- Cty Cp Tư Vấn Kiểm định Xây dựng Miền Tây	14.300.000	
- Cty Cp Tư Vấn Kiểm định Xây dựng Miền Tây	14.300.000	
- DNTN Xây dựng Bảo Vy	874.786.000	
- Mã Chí Hiếu	107.250.000	

- Lê Tuấn Kiệt	990.000.000	990.000.000
- Nguyễn Thanh Xuân	110.000.000	476.666.668
- Lâm Thị Chuôi	910.000.000	
- Nguyễn Hữu Ngọc	650.000.000	
- Lâm Thị Mỹ Phương	110.000.000	209.350.000
- Mã Ngọc Hạnh		880.000.000
- Cty TNHH Nhứt Trung Anh	130.000.000	
- Trần Văn Hà	788.000.000	
- Nguyễn Hồng Vân	167.000.000	946.333.334
- Trần Kim Trọng	6.264.000	
- Trần Kim Trọng	3.780.000	
- Liễu Thị Minh	3.780.000	
- Trần Nghĩa	3.780.000	
- Nguyễn Thị Thu Trang	3.780.000	
- Trần Phước	3.780.000	
- Danh Thị Phen	3.780.000	
- Trương Kim Trinh	3.780.000	
- Cao Sang	3.780.000	
- Hứa Thu Nga	4.680.000	
- Lý Minh Huy	6.264.000	
- Phan Thị Thép	3.780.000	
- Thạch Thang	3.780.000	
- Đinh Thị Diễm Phương	3.780.000	
- Nguyễn Văn Nhỏ	3.780.000	
- Ong Thị Mỹ Hoàng	3.780.000	
- Bùi Thị Mai	3.780.000	
- Nguyễn Thị Lang	3.780.000	
- Chung Phước Hưng	3.780.000	
- Tiêu Hó	3.780.000	
- Trần Thị Lệ Thu	3.780.000	
- Võ Minh Cảnh	3.780.000	
- Nguyễn Thành Khiêm	3.780.000	
- Đặng Văn Hậu	3.780.000	
- Trần Thanh Cường	3.780.000	
- Nguyễn Hồng Thái	6.264.000	
- Trần Thanh Quân	3.780.000	
- Lâm Thu Hương	3.780.000	
- Mai Thị Đào	3.780.000	
- Nguyễn Thị Ngọt	3.780.000	3.780.000
- Trần Văn Hai	3.780.000	3.780.000
- Trần Thị Chì	3.780.000	3.780.000
- Dư Nguyên Luận	3.780.000	3.780.000
- Lê Thị Mai Hoa	3.780.000	3.780.000

- Ngô Tú Dung	4.680.000	
- Huỳnh Quế Dung	217.000.000	
- Nguyễn Hồng Thạch	217.000.000	
- Chung Phước Hưng	31.000.000	
- Trần Thị Hồng Doan	217.000.000	
- Trần Tín Nghĩa	217.000.000	
- Nguyễn Thành Được	217.000.000	
- Văn Quốc Trung	217.000.000	
- Lâm Đình Phương	217.000.000	
- Huỳnh Cẩm Vân	200.000.000	
- Lục Thị Lệ	217.000.000	
- Lý Lệ Hoa	217.000.000	
- Huỳnh Thị Phẩm	6.264.000	6.264.000
- Đặng Văn Bé	3.780.000	3.780.000
- Lê Văn Năm	3.780.000	3.780.000
- Lê Thanh Ngô	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Ngọc Chín	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Thị Quốc	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Thị Đẹp	3.780.000	3.780.000
- Trần Văn Nghĩa	3.780.000	3.780.000
- Trần Thị Hoa	3.780.000	3.780.000
- Thái Thị Sen	4.680.000	4.680.000
- Trần Thị Kiều	4.680.000	
- Thạch Khanh	3.780.000	
- Nguyễn Huỳnh Trúc	3.780.000	
- Nguyễn Văn Phương	3.780.000	
- Mai Thị Anh Phương	3.780.000	
- Viêt Bích Phương	3.780.000	
- Liêu Hưng	3.780.000	
- Dư Nguyên Liêm	3.780.000	
- Dư Thị Hồng Châu	3.780.000	
- Nguyễn Văn Lý	3.780.000	
- Lưu Thị Ba	3.780.000	
- Lưu Ngọc Tùng	3.780.000	
- Lưu Thị Ba	3.780.000	
- Trần Thị Hồng	3.780.000	
- Trương Ngọc Dũ	3.780.000	
- Trang Sĩ Thắng	3.780.000	
- Hà Minh Tâm	3.780.000	
- Hà Minh Tâm	3.780.000	
- Hà Minh Tâm	3.780.000	
- Hà Minh Tâm	3.780.000	
- Trần Thị Lượng	4.628.250	

- Trần Thị Hương	3.935.250	3.935.250
- Phan Thị Rện	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Hà Bình	3.780.000	3.780.000
- Lê Thanh Phong	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Hoàng Phương	3.780.000	3.780.000
- Tạ Văn Vàng	3.780.000	3.780.000
- Đặng Thị Mỹ Hạnh	3.780.000	3.780.000
- Thạch Khanh	3.780.000	3.780.000
- Thạch Hoàng Khương	3.780.000	3.780.000
- Thạch Thị Mỹ Hạnh	3.780.000	3.780.000
- Phan Thị Ánh Hoa	3.780.000	
- Lê Văn Tới	3.780.000	
- Triệu Thị Út	3.780.000	
- Võ Thị Liên	3.780.000	
- Huỳnh Kim Keo	3.780.000	
- Danh Sây	3.780.000	
- Danh Giàu	3.780.000	
- Nguyễn Thanh Sang	3.780.000	
- Tiêu Ngọc Diệp	3.780.000	
- Mã Sơn	3.780.000	
- Vương Hóc Sái	4.050.000	4.050.000
- Nguyễn Thị Lang	42.000.000	
- Trang Minh Trung	28.000.000	
- Huỳnh Tiết Ngân	28.000.000	
- Lâm Vĩnh Viễn	140.000.000	
- Danh Thị Mô Ra	70.000.000	
- Đào Tiến Thắng	112.000.000	
- Mạch Lệ Phương	112.000.000	
- Dương Minh Dũng	41.158.400	
- Nguyễn Ngọc Tú	66.710.000	186.970.000
- Vũ Đăng Long	67.100.000	167.100.000
- Thái Bình Hải	106.840.000	186.970.000
- Huỳnh Hữu Thọ	106.840.000	
- Văn Công Nam	106.840.000	
- Ngô Kim Ngẫu	26.175.800	186.970.000
- Ngô Ngọc Tân	26.442.900	
- Mã Thị Ngọc Liên	66.710.000	
- Tăng Thị Ngọc Diễm	101.775.000	
- Huỳnh Quốc Thuận	106.840.000	
- Công ty TNHH Minh Đăng	26.710.000	186.970.000
- Cty TNHH Minh Đăng	26.710.000	186.970.000
- Công ty TNHH Minh Đăng	26.710.000	186.970.000
- Công ty TNHH MINH Đăng	26.710.000	186.970.000



- Công ty TNHH Minh Đăng	26.710.000	186.970.000
- Công ty TNHH Minh Đăng	18.199.735	265.150.135
- Dương Thị Mươi		106.840.000
- Đoàn Thị Thơm	26.710.000	
- La Thị Mỹ Hạnh	31.517.800	31.517.800
- Trương Kiến Trúc	26.710.000	93.485.000
- Tô Minh Quang	66.775.000	146.905.000
- Nguyễn Thanh Phương	26.710.000	30.680.000
- Lâm Tấn Lộc	26.710.000	186.970.000
- Huỳnh Trọng Hữu	119.122.412	146.905.000
- Thái Bình An	126.970.000	
- Vương Tuấn Cường	106.840.000	
- Đinh Bạt Trung	186.970.000	186.970.000
- Chung Tiến Huy	26.710.000	186.970.000
- Danh Thị Diệu	167.948.000	
- Nguyễn Quốc Phong	294.000.000	
- Phan Bích Chung	181.000.000	
- Võ Chí Tài	346.500.000	
- Trương Minh Hoàng	140.000.000	
- Trương Kim Phụng	140.000.000	
- Nguyễn Thị Nhi	196.000.000	
- Ký Thị Trường Phúc	196.000.000	
- Lâm Văn Nấu	112.000.000	
- Lâm Bửu Tri	154.000.000	
- Phạm Thị Lệ	136.000.000	
- Nguyễn Anh Việt	35.000.000	
- Lâm Ái Thu	77.800.000	228.900.000
- Châu Tòng Lộc	106.840.000	
- Dương Thị Phượng Em	146.905.000	
- Bành Phước Bình	26.710.000	186.970.000
- Dương Thị Mươi	26.710.000	
- Nguyễn Tuyết Nhung	133.550.000	
- Nguyễn Thị Thành	26.710.000	170.944.000
- Đinh Văn Đình	26.710.000	170.944.000
- Lý Tố Mai	26.710.000	106.840.000
- Lý Tố Mai	26.710.000	106.840.000
- Lê Thị Ngọc Diễm	186.970.000	
- Phạm Văn Biết	186.970.000	
- Lê Tấn Hậu	186.970.000	
- Lê Thị Liệt	106.840.000	
- Trịnh Kỳ Nam	186.970.000	
- Nguyễn Ngọc Minh	121.500.000	
- Đoàn Văn Đen	146.905.000	

- Huỳnh Văn Bằng	186.970.000	
- Nguyễn Thị Tư	146.905.000	
- Trần Nghĩa	26.710.000	
- Nguyễn Phú Cường	81.970.000	186.970.000
- Phạm Vinh Quang	81.970.000	186.970.000
- Phan Thanh Nhân	26.710.000	26.710.000
- Trần Thuận Tân	26.710.000	26.710.000
- Huỳnh Văn Giá	40.330.000	221.815.000
- Quách Âu Gú	40.330.000	40.330.000
- Cty CP Quốc tế SAVINA	547.000.000	
- Nguyễn Thành Lợi	35.710.000	101.485.000
- Nguyễn Thị Phúc	148.000.000	
- Huỳnh Ngọc Ngân	26.580.000	186.970.000
- Huỳnh Phương Anh	56.840.000	106.840.000
- Bùi Thanh Trung	26.710.000	
- Trần Văn Tình	133.550.000	
- Thái Hạng	287.100.000	
- Mạch Đình Minh Trí	26.710.000	146.970.000
- Thái Hạng	346.500.000	
- Lương Thị Ánh Hoa	26.710.000	80.130.000
- Đỗ Thị Mỹ Hoàng	166.970.000	
- Trần Mộc Tâm	133.550.000	
- Nguyễn Thị Mỹ Dung	66.775.000	
- Võ Loan Ánh	33.680.000	33.680.000
- Nguyễn Hữu Đăng Khoa	186.970.000	
- Tăng Quế Như	106.840.000	
- Nguyễn Văn Quân	186.970.000	186.970.000
- Danh Thị Chinh	106.840.000	
- Lê Ngọc Ánh	186.970.000	
- Lê Thị Ngọc Như	186.970.000	
- Nguyễn Việt Rồi	33.680.000	
- Phùng Diệu Linh	26.710.000	133.550.000
- Thạch Hoàng Linh	179.850.000	
- Trịnh Văn Thu	128.000.000	896.000.000
- Thạch Thị Liên	346.500.000	
- Trần Thị Kiều	346.500.000	
- Trần Văn Thành	346.500.000	
- Trần Minh Dương	346.500.000	
- Nguyễn Ngọc Duy	297.000.000	
- Trần Bá Hồng Phúc	7.516.800	7.516.800
- Đào Thị Xiềng	6.264.000	6.264.000
- Nguyễn Thị Chính	4.536.000	4.536.000
- Hàng Bạch Cúc	3.780.000	3.780.000

- Lê Thị Ngọc Trâm	4.536.000	4.536.000
- Hứa Thị Lết	3.780.000	3.780.000
- Trương Văn Bé	4.536.000	4.536.000
- Nguyễn Thị Vẻ	3.780.000	3.780.000
- Dương Mỹ Khên	4.536.000	4.536.000
- Phạm Văn Mậu	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Thanh Bình	4.536.000	4.536.000
- Lâm Thanh Nhựt	3.780.000	3.780.000
- Phạm Văn Sở	4.536.000	4.536.000
- Trịnh Nguyên Kiệt	3.780.000	3.780.000
- Đỗ Thị Diên	4.536.000	4.536.000
- Nguyễn Thị Mỹ Trinh	3.780.000	3.780.000
- Trần Thị Bông	4.536.000	4.536.000
- Lý Thị Xuân Huyền	3.780.000	3.780.000
- Trần Văn Thanh	4.536.000	4.536.000
- Liên Phụng Mỹ	4.680.000	4.680.000
- Diệp Hồng Châu	4.536.000	4.536.000
- Võ Đệ Tứ	8.920.800	8.920.800
- Diệp Đức Ký	4.536.000	4.536.000
- Phan Huỳnh Trung	5.292.000	5.292.000
- Ngô Thị Lúi	4.536.000	4.536.000
- Nguyễn Thị Vân	5.292.000	5.292.000
- Nguyễn Thị Mỹ Trinh	10.076.400	10.076.400
- Nguyễn Thị Vân	6.678.000	6.678.000
- Trần Duy Phương	6.372.000	6.372.000
- Nguyễn Việt Anh	8.920.800	8.920.800
- Lê Văn Huôi	3.780.000	3.780.000
- Lý Văn Chương	5.292.000	5.292.000
- Lê Thị Tùng	3.780.000	3.780.000
- Vương Thị Hoài Nhi	5.292.000	5.292.000
- Chung Hưng	3.780.000	3.780.000
- Huỳnh Kim Ngọc	5.292.000	5.292.000
- Chung Ngẫu	3.780.000	3.780.000
- Huỳnh Kim Ngọc	5.292.000	5.292.000
- Nguyễn Phước Hiệp	3.780.000	3.780.000
- Trần Thị Đẹp	5.292.000	5.292.000
- Trương Đức	3.780.000	3.780.000
- Dương Thị Mùi	5.292.000	5.292.000
- Lưu Thị Mỹ Loan	3.780.000	3.780.000
- Trần Thị Xuân	5.292.000	5.292.000
- Trần Văn Út	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Ngọc Thương	5.292.000	5.292.000
- Tạ Phó	3.780.000	3.780.000

- Khuru Thị Vón	5.292.000	5.292.000
- Tran Xiêu Hên	3.780.000	3.780.000
- Khuru Thị Vón	5.292.000	5.292.000
- Trần Thị Thu Oanh	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Thành Hiệp	5.292.000	5.292.000
- Nghê Thị Tiên	3.780.000	3.780.000
- Trịnh Trọng Vinh	5.292.000	5.292.000
- Lý Thị Huệ	3.780.000	3.780.000
- Quách Thị Ngọc Hà	5.292.000	
- Ngô Hi Như	3.780.000	3.780.000
- Trần Văn Ngoánh	5.292.000	
- Triệu Thị Bấu	3.780.000	3.780.000
- Trần Quế Anh	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Văn Dũng	5.292.000	5.292.000
- Thái Thị Thanh Liêm	3.780.000	3.780.000
- Lê Vinh Tuyên	3.780.000	3.780.000
- Lê Vinh Tuyên	3.780.000	3.780.000
- Nghê Cúi Ái	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Hoàng Nhi	3.780.000	3.780.000
- Thái Thị Thu Mai	3.780.000	3.780.000
- Trần Khả Lợi	3.780.000	3.780.000
- Phan Thị Thêu	3.780.000	3.780.000
- Lương Văn Hóa	3.780.000	3.780.000
- Trang Xiêu Khiếm	3.780.000	3.780.000
- Nghê Nam Sến	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Thị Việt Thủy	3.780.000	3.780.000
- Đặng Văn Bi	5.292.000	
- Hồ Văn Khơi	3.780.000	3.780.000
- Quách Huy	5.292.000	
- Âu Thanh	3.780.000	3.780.000
- Đặng Thị Kim Hoa	5.292.000	
- Lưu Minh Đồng	3.780.000	3.780.000
- Quách Thu Hưng	3.780.000	3.780.000
- Quách Thu Hưng	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Văn Hồng	5.292.000	
- Nguyễn Hoàng Vũ	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Văn Sơn	5.292.000	5.292.000
- Thạch Bi	3.780.000	3.780.000
- Trần Kim Liêng	5.292.000	5.292.000
- Khuru Văn Long	3.780.000	3.780.000
- Lê Văn Tâm	5.292.000	5.292.000
- Phạm Toàn Vẹn	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Thị Thu Hồng	5.292.000	5.292.000

- Phạm Toàn Vẹn	6.372.000	6.372.000
- Nguyễn Thị Thu Hồng	8.920.800	8.920.800
- Bành Thị Huê	6.804.000	6.804.000
- Trần Văn Hùng	9.428.400	9.428.400
- Hồ Thanh Tài	4.536.000	4.536.000
- Trần Văn Hùng	4.536.000	4.536.000
- Dương Thị Hoa	4.536.000	4.536.000
- Phạm Thị Năm	4.536.000	4.536.000
- Võ Thị Thanh Tâm	4.536.000	4.536.000
- Quách Nghiệp Cần	4.536.000	4.536.000
- Trịnh Thái	4.536.000	4.536.000
- Vương Thị Hoài Nhi	4.536.000	4.536.000
- Nguyễn Thị Lén	4.536.000	4.536.000
- Quách Đình Phương	4.536.000	4.536.000
- Nguyễn Thị Lén	4.536.000	4.536.000
- Dương Thị Hoa	4.536.000	4.536.000
- Võ Thanh Ngân	4.536.000	4.536.000
- Ông Vĩnh Trục	8.424.000	8.424.000
- Trần Thị Mãng	4.536.000	4.536.000
- Lâm Thị Tú Đào	5.670.000	5.670.000
- Lâm Thị Hoàng	4.536.000	4.536.000
- Phạm Thị Lệ	3.780.000	3.780.000
- Huỳnh Siêu Ghét	4.536.000	4.536.000
- Lương Thị Thu Nga	3.780.000	3.780.000
- Hứa Văn Thiện	4.536.000	4.536.000
- Lương Thị Thu Nga	3.780.000	3.780.000
- Trần Thị Sáu	4.536.000	4.536.000
- Trần Văn Lục	3.780.000	3.780.000
- Trịnh Minh Hùng	4.536.000	4.536.000
- Nguyễn Thị Kiều	3.780.000	3.780.000
- Trần Thị Bé	4.536.000	4.536.000
- Lữ Giàu	3.780.000	3.780.000
- Lương Văn Sáu	4.536.000	4.536.000
- Trang Văn Sơn	3.780.000	3.780.000
- Lý Thị Mỹ Hảo	4.536.000	4.536.000
- Trần Thị Ân	3.780.000	3.780.000
- Lý Thị Mỹ Hảo	4.536.000	4.536.000
- Mạch Văn Vương	3.780.000	3.780.000
- Lâm Thị Huól	4.536.000	4.536.000
- Mạch Thanh Thủy	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Minh Hải	4.536.000	4.536.000
- Mạch Thanh Hoa	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Thị Việt Thủy	4.536.000	4.536.000

- Mạch Thanh Thúy	3.780.000	3.780.000
- Phạm Thị Mỹ Nhung	4.536.000	4.536.000
- Mạch Thị Nga	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Văn Xinh	4.536.000	4.536.000
- Tiêu Lý Dân	3.780.000	3.780.000
- Tàu Yến Nhi	4.536.000	4.536.000
- Trần Văn Phát	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Thành Hiệp	4.536.000	4.536.000
- Mai Thị Phần	3.780.000	3.780.000
- Đặng Thị Nơi	4.536.000	4.536.000
- Trần Tấn Chiến	3.780.000	3.780.000
- Đặng Thị Nơi	4.536.000	4.536.000
- Trần Thị Tuyết Hạnh	3.780.000	3.780.000
- Dương Thị Liên	4.536.000	4.536.000
- Nguyễn Thị Kim Phụng	3.780.000	3.780.000
- Bùi Văn Miên	4.536.000	4.536.000
- Quách Cẩm Hồng	3.780.000	3.780.000
- Bùi Văn Miên	4.536.000	4.536.000
- Tào Ngọc Xuân	3.780.000	3.780.000
- Trương Thế Quyền	4.536.000	4.536.000
- Huỳnh Thị Ánh Tuyết	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Thị Ngọc Mai	4.536.000	4.536.000
- Chung Tấn Đức	3.780.000	3.780.000
- Dương Tố Thơ	4.536.000	4.536.000
- Tô Thị Thanh Hương	3.780.000	3.780.000
- Lê Hoàng Châu	8.942.400	8.942.400
- Phạm Thị Mai Trinh	3.780.000	3.780.000
- Trần Chí Hân	3.780.000	3.780.000
- Nguyễn Thanh Thủy	3.780.000	3.780.000
- Đặng Thị Tại	3.780.000	3.780.000
- Ngô Thị Thu Hà	3.780.000	3.780.000
- Lê Văn Điệp	3.780.000	3.780.000
- Viêt Văn Đàm	3.780.000	3.780.000
- Trần Thị Ngọc	3.780.000	3.780.000
- Võ Hoàng Ân	7.452.000	7.452.000
- Lâm Hùng Sơn	9.072.000	9.072.000
- Tiêu Xảo Dung	4.680.000	4.680.000
- Trương Thị Cẩm Hồng	4.536.000	4.536.000
- Trịnh Thị Ánh	3.780.000	3.780.000
- Trương Thị Cẩm Hồng	4.536.000	4.536.000
- Trần Văn Thuận	3.780.000	3.780.000
- Võ Văn Đẹp	4.536.000	4.536.000
- Trần Văn Thuận	3.780.000	3.780.000

- Nguyễn Hoàng Minh	4.536.000	4.536.000
- Quách Hùng	3.780.000	3.780.000
- Phan Văn Liệt	4.536.000	4.536.000
- Lý Minh Thiện	3.780.000	3.780.000
- Lý Ngọc Chung	4.536.000	4.536.000
- Nguyễn Thanh Triều	3.780.000	3.780.000
- Trần Mỹ Lan	9.072.000	9.072.000
- Châu Phong	3.780.000	3.780.000
- Chung Thanh Trang	4.680.000	4.680.000
- Quách Kỳ Xuân	3.780.000	3.780.000
- Chung Thanh Dũng	3.780.000	3.780.000
- Lê Thanh Phong	6.264.000	6.264.000
- Hữu Thị Hồng	3.780.000	3.780.000
- Trần Thị Minh Nguyệt	3.780.000	3.780.000
- Võ Thị Hà	3.780.000	3.780.000
- Huỳnh Thanh Huy	3.780.000	3.780.000
- Trần Thị Thu Hải	3.780.000	3.780.000
- Hồ Thị Hoàng	3.780.000	3.780.000
- Tiêu Minh Phát	3.780.000	3.780.000
- Lâm Ngọc Liễu	6.264.000	6.264.000
- Trương Văn Hoài	123.200.000	123.200.000
- Lý Thị Huệ	46.000.000	138.000.000
- Trịnh Thị Ánh	232.000.000	262.000.000
- Trần Thị Điệp	46.000.000	272.000.000
- Lâm Văn Chiếu	46.000.000	266.800.000
- Nguyễn Văn Phúc	46.000.000	100.200.000
- Nguyễn Tuấn Kiệt	364.000.000	
- Lý Thị Thu Hồng	46.000.000	115.000.000
- Phạm Minh Phương	46.000.000	322.000.000
- Bùi Ngọc Tường Vy	45.080.000	315.560.000
- Nguyễn Hữu Tài	115.000.000	414.000.000
- Bùi Thanh Thủy	253.000.000	
- Hồ Tấn Sơn	322.000.000	
- Hồ Kim Ngân	161.000.000	
- Võ Minh Hải	46.000.000	184.000.000
- Mã Văn Hồng	202.000.000	
- Hồ Hoàng Nghĩa	45.080.000	
- Lê Văn Vũ	230.000.000	
- Tô Tú Hiền	322.000.000	
- Mã Thị Kim Vân	184.000.000	
- Thái Chiếu Thại	92.000.000	
- Mạch Cẩm Xoánh	184.000.000	
- Ngụy Bá Tùng	184.000.000	

- Lưu Quốc Cường	184.000.000	
- Lý Quốc Tuấn	46.000.000	
- Dương Tuy Phú	402.500.000	402.500.000
- Trần Thị Chu	63.100.000	63.100.000
- Trần Thu Mộng	52.000.000	52.000.000
- Lâm Thị Kiều Linh	91.000.000	169.000.000
- Trần Thị Bích Phượng	52.000.000	130.000.000
- Trần Việt Hoa	52.000.000	260.000.000
- Lê Thị Bích Châu	52.000.000	130.000.000
- Quách Nguyệt Trang	50.000.000	50.000.000
- Huỳnh Văn Tô	52.000.000	52.000.000
- Nguyễn Kim Anh	52.000.000	52.000.000
- Võ Thanh Kỳ	49.000.000	49.000.000
- Trần Thị Mót	112.000.000	208.000.000
- Lê Thị Cẩm Như	52.000.000	52.000.000
- Hứa Kim Ngọc	52.000.000	52.000.000
- Nguyễn Ngọc Tiến	52.000.000	196.000.000
- Trần Lượm Nhỏ	52.000.000	52.000.000
- Đỗ Minh Bắc	52.000.000	52.000.000
- Phan Thị Thuý Loan	52.000.000	52.000.000
- Lâm Thị Thuý Vân	52.000.000	89.000.000
- Mai Gia Thịnh	169.000.000	314.000.000
- Hà Thanh Tám	52.000.000	52.000.000
- Lâm Thị sáu	52.000.000	52.000.000
- Châu Việt Hùng	167.001.000	167.001.000
- Đỗ Thị Loan	33.000.000	33.000.000
- Trần Thị Diệu	29.000.000	109.000.000
- Cao Mỹ Lan	29.000.000	29.000.000
- Huỳnh Vinh Lễ	29.000.000	29.000.000
- Cao Văn Hòa	29.000.000	29.000.000
- Châu Việt Hùng	146.206.000	146.206.000
- Ngô Lê Minh Hiếu	29.000.000	29.000.000
- Quách Đình Phương	90.000.000	90.000.000
- Trương Điền Vân	30.500.000	30.500.000
- Trần Hữu Khải	30.500.000	30.500.000
- Trần Hữu Khải	30.500.000	30.500.000
- Nguyễn Thanh Thuý	29.000.000	29.000.000
- Trần Hữu Khải	30.500.000	30.500.000
- Cao Thông	36.500.000	65.500.000
- Trịnh Ngọc Thanh	30.500.000	30.500.000
- Trần Thanh Mơ	29.000.000	29.000.000
- Trần Thanh Mơ	29.000.000	29.000.000
- Quách Mộc Thuý	30.500.000	99.125.000



- Huỳnh Văn Á	33.000.000	33.000.000
- Tạ Văn Phương	35.500.000	88.750.000
- Hứa Thị Kim Huôi	30.500.000	30.500.000
- Huỳnh Khánh Tài	29.000.000	29.000.000
- Trần Khắc Điện	30.500.000	87.687.500
- Bùi Thanh Nghị	29.000.000	29.000.000
- Nguyễn Văn Hùng	30.500.000	71.625.000
- Đặng Thị Thu Hồng	29.000.000	29.000.000
- Trần Thị Thu	30.500.000	60.500.000
- Trần Thanh Nhân	40.500.000	263.500.000
- Khru Thị Vón	30.500.000	30.500.000
- Ngô Huệ Phấn	30.500.000	69.300.000
- Huỳnh Ngọc Minh	90.565.000	123.500.000
- Trần Khánh Vân	30.550.000	92.273.000
- Trần Khánh Vân	30.500.000	140.300.000
- Trần Khánh Vân	30.500.000	140.300.000
- Trần Khánh Vân	55.000.000	285.000.000
- Nguyễn Văn Thống	29.000.000	29.000.000
- Đỗ Minh	29.000.000	29.000.000
- Trần Khả Láng	28.420.000	28.420.000
- Vu Thị Hồng Liên	29.000.000	29.000.000
- Nguyễn Tấn Huy	29.000.000	29.000.000
- Lâm Quốc Tuấn	29.000.000	129.000.000
- Huỳnh Minh Kỳ	28.710.000	28.710.000
- Đào Lâm Tố Phụng	29.000.000	29.000.000
- Nguyễn Thị Hồng Tươi	28.420.000	28.420.000
- Võ Thanh Tú	29.000.000	29.000.000
- Đỗ Thị Kiều Diễm	29.000.000	29.000.000
- Trần Thị Hường	29.000.000	43.000.000
- Nguyễn Thanh Tuấn	29.000.000	29.000.000
- Nguyễn Thanh Tuấn	29.000.000	29.000.000
- Lương Thanh Xiêm	29.000.000	78.000.000
- Bùi Văn Dơn	35.000.000	35.000.000
- VŨ MẠNH HẢO	29.000.000	29.000.000
- LÂM VĂN LỢI	29.000.000	29.000.000
- Cty TNHH XD&TM Nhân Lực	2.880.000.000	
- Cty TNHH XD&TM Nhân Lực	2.880.000.000	
- Cty TNHH XD&TM Nhân Lực	2.880.000.000	
- Cty TNHH XD&TM Nhân Lực	2.880.000.000	
- Cty TNHH XD&TM Nhân Lực	2.880.000.000	
- Nguyễn Thành Hiệp	25.235.400	271.280.550
- Nguyễn Thành Hiệp	14.796.000	159.057.000
- Nguyễn Thành Hiệp	14.700.948	158.035.212

- Nguyễn Thành Hiệp	14.605.900	157.013.425
- Nguyễn Thành Hiệp	13.224.800	56.205.400
- Nguyễn Thành Hiệp	12.977.700	55.155.225
- Nguyễn Văn Dân	12.729.800	13.217.200
- Trần Thị Phong Huy	12.490.648	12.490.648
- Trần Thị Phương Thế	12.418.550	12.418.550
- Hồng Thị Mỹ Phương	13.695.275	33.905.500
- Huỳnh Hoàng	12.558.750	61.537.875
- Huỳnh Hoàng	12.673.600	62.100.640
- Lâm Quang Vĩnh Điền	12.429.650	12.429.650
- Trần Văn Tình	14.137.650	98.963.550
- Trần Văn Thanh	13.105.200	98.289.000
- Trần Văn Thanh	13.250.950	99.382.124
- Dương Bích Phượng	13.500.000	57.375.000
- Dương Bích Phượng	13.500.000	57.375.000
- Trần Hồng Tươi	13.247.550	13.247.550
- Lê Hiền Đệ	13.299.000	13.299.000
- Đào Thanh Luận	13.319.750	13.319.750
- Đào Mỹ Hằng	13.206.050	13.206.050
- Đào Công Phát	13.075.450	13.075.450
- Lý Văn Nhện	13.079.100	13.079.100
- Nguyễn Thanh Liêm	13.172.548	13.172.548
- Nguyễn Thanh Liêm	12.828.000	12.828.000
- Thạch Som	12.464.500	12.464.500
- Thạch Som	12.100.200	12.100.200
- Nguyễn Ngọc Lan	11.736.648	49.880.761
- Nguyễn Văn Lực		267.396.000
- Trần Thị Lợi	233.985.000	
- Nguyễn Văn Lực		283.985.000
- Lâm Hồng Sơn	217.396.000	
- Nguyễn Thị Thanh Thảo	49.791.700	95.451.616
- Huỳnh Gia Khoa	17.571.600	131.787.000
- Nguyễn Kim Phụng	33.989.823	33.989.823
- Cao Thị Cẩm	12.640.301	67.414.934
- Nguyễn Thị Bích Dung	22.176.000	22.176.000
- Ngụy Bá Tùng	12.640.300	135.883.225
- Dương Thế Nghiêm	74.390.000	104.390.000
- Phan Nguyễn Bình Phương	12.640.300	94.802.250
- Trần Phương Đông	13.305.600	186.278.400
- Trần Tín Nghĩa	12.640.301	122.189.567
- Nguyễn Thanh Huy	13.305.600	13.305.600
- Trịnh Minh Hậu	12.640.300	94.802.250
- Trương Văn Lợi	13.305.600	13.305.600

- Phạm Thị Thi	12.640.300	122.189.567
- Huỳnh Kim Oanh	13.305.600	13.305.600
- Đặng Phước Thọ	12.640.300	135.883.225
- Vương Văn Cáo	13.307.600	13.307.600
- Huỳnh Quốc Hùng	240.165.700	240.165.700
- Huỳnh Kim Vốn	13.307.600	13.307.600
- Huỳnh Quốc Hùng	240.165.700	240.165.700
- Nguyễn Văn Sơn	13.305.600	13.305.600
- Trần Lý Vĩnh Đoàn	12.640.300	78.369.860
- Nguyễn Thị Tuyết	13.305.600	13.305.600
- Trần Thị Mận	19.330.800	170.111.040
- Tiêu Tuấn Minh	20.400.000	20.400.000
- Tạ Quang Cư ( Nguyễn Đức Hòa)	22.205.000	200.719.884
- Bùi Thanh Khiết	13.608.000	102.060.000
- Nguyễn Hoàng Tuấn	13.608.000	102.060.000
- Trịnh Ngọc Phượng	57.834.000	102.060.000
- Dương Hoàng Tâm	92.412.356	196.878.500
- Quách Hạp	92.943.328	198.009.700
- Nguyễn Thị Mai	14.968.800	112.266.000
- Lê Thanh Tùng	14.968.800	112.266.000
- Bùi Minh Châu	14.968.800	112.266.000
- Trần Quốc Sở	13.608.000	131.544.000
- Trần Quốc Sở	18.576.000	179.568.000
- Lâm Quang Vĩnh Điền	651.021.700	651.021.700
- Lâm Quang Vĩnh Điền	25.636.850	25.636.850
- Lê Văn Ngon	13.514.000	13.514.000
- Võ Thanh Xuân ( Bành Phước Long)	16.038.000	16.038.000
- Trương Công Khanh	13.514.000	13.514.000
- Trương Minh Tâm	16.038.000	16.038.000
- Trương Công Khanh	13.514.000	13.514.000
- Trần Bảo Hiến	16.038.000	84.532.000
- Trần Hồng Tươi	39.150.900	39.150.900
- Trần Thị Bé Ba	225.000.000	
- Trần Ngọc Bảo Hương	21.215.150	159.113.625
- Phạm Tân Khoa	35.640.000	111.280.000
- Trịnh Minh Bình	17.134.901	239.888.600
- Trần Ngọc Thống	18.273.800	255.833.200
- Lê Trọng Nghĩa	17.225.201	241.152.800
- Lê Minh Tâm	214.220.300	214.220.300
- Trần Phước Khanh	13.910.400	104.328.000
- Ngô Huệ Phấn	21.271.700	174.900.644
- Qua Hùng Cường	23.135.000	248.701.250
- Trình Thị Ngọc Đình	20.454.750	175.569.935

- Vương Phi Hùng	12.600.000	12.600.000
- Trương Tú Trạch	21.772.836	106.686.756
- Trần Minh Tâm	12.640.300	57.685.488
- Ngô Trí Thức	11.975.050	89.812.874
- Huỳnh Thị Ngọc Tuyết	12.640.300	12.640.300
- Trần Thị Mộng Thu	11.974.700	167.650.700
- Huỳnh Thị Ngọc Tuyết	12.640.300	12.640.300
- Hà Minh Nhựt	167.651.000	
- Nguyễn Thị Phương Trang	12.640.300	94.802.250
- Ngô Văn Châu	11.975.050	167.650.700
- Nguyễn Thị Phương Trang	12.640.300	94.802.250
- Nguyễn Hoàng Dũng	11.975.050	167.650.700
- Huỳnh Tăng Cuôi	12.640.300	12.640.300
- Trần Thị Hoàng Oanh	11.975.050	167.650.700
- Trần Hữu Hậu	11.491.000	91.928.000
- Trương Thị Ngọc Dung	11.975.051	
- Trần Minh Thành	12.640.300	78.369.860
- Lê Hồng Yến	14.483.450	
- Cty TNHH đầu tư xây dựng Chánh Hưng	17.624.748	189.466.062
- Lý Thị Bích	16.058.600	224.820.400
- Huỳnh Thị Ngân	18.389.850	18.389.850
- Đoàn Hữu Học	14.645.650	205.039.100
- Huỳnh Thị Ngân	17.087.800	17.087.800
- Quách Thanh Lâm	11.975.048	167.650.700
- Trần Thu Ba	12.700.000	12.700.000
- Qua Hùng Cường	11.975.048	167.650.700
- Nguyễn Thanh Bình	12.700.000	12.700.000
- Mạnh Thiếu Hoa	11.975.050	128.731.787
- Nguyễn Thị Mỹ Phú	12.700.000	12.700.000
- Mạnh Thiếu Hoa	11.975.050	128.731.787
- Liễu Thị Dung	53.975.000	53.975.000
- Mạnh Thiếu Hoa	11.975.050	128.731.787
- Quách Thị Xuân	15.240.950	81.285.068
- Nguyễn Vũ Đan Thanh	95.800.700	
- Quách Tấn Phát	13.970.880	13.970.880
- Đặng Thị Hường	11.975.050	167.650.700
- Nguyễn Văn Tam	12.701.000	12.701.000
- Trịnh Trọng Vinh	11.975.050	128.731.787
- Nguyễn Văn Tam	12.447.000	12.447.000
- Trịnh Trọng Vinh	11.975.050	128.731.787
- Khru Tuyết Hạnh	12.701.000	101.608.000
- Huỳnh Xới Mão	18.593.300	18.593.300
- Hứa Thành	12.700.000	12.700.000

- Hứa Thành	21.418.500	214.185.000
- Nguyễn Thị Liễu		2.487.910.350
- Nguyễn Hoàng Anh	150.871.300	1.172.449.000
- Trần Xái Liến	45.275.000	
- Võ Thị Lệ Hằng	37.026.000	37.026.000
- Võ Thị Lệ Hằng	32.494.200	32.494.200
- Châu Thanh Phong	32.213.374	241.600.319
- Trần Văn Hiệp	64.480.800	64.480.800
- Trần Bình	27.808.700	27.808.700
- Thái Vương Hoàng Huy	27.774.650	27.774.650
- Hà Thanh Tâm	50.000.000	50.000.000
- Nguyễn Hữu Thành	27.706.500	115.000.000
- Hoàng Văn Thanh	27.672.498	147.586.666
- Cam Thái Hào	26.809.350	26.809.350
- Cam Thái Hào	30.979.150	30.979.150
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.357.671.810</b>	<b>44.945.715.148</b>

**2.2. Trả trước cho người bán**

31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>18.977.652.728</b>	<b>15.699.811.492</b>

**Chi tiết số dư khoản mục trả trước cho người bán của Công ty tại ngày 31/12/2011 là:**

- DNTN Tuấn An		145.000.000
- CTY TNHH NHÂN LỰC	18.801.802.728	13.805.646.050
- CÔNG TY CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG	157.900.000	
- DNTN HỒNG KHANH		150.000.000
- CTY ĐIỆN LỰC SÓC TRĂNG		63.408.000
- Cty TNHH MTV XD TM Khởi Nguyên		45.000.000
- Cty TNHH MTV Xây Dựng Hữu Nghĩa		20.000.000
- Cty TNHH Tài Lực		702.146.749
- Cty Cổ phần Xây dựng Điện Hùng Phát		176.000.000
- Công ty CP chứng khoán SME		330.000.000
- Cty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đầu tư & Xây dựng Gia Phú		50.000.000
- Cty TNHH TM & Kỹ thuật lạnh Đức Thuận		212.610.693
- Cty Cổ phần Nam Sơn	7.950.000	
- Cty TNHH SX TM DV Bách Việt	10.000.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.977.652.728</b>	<b>15.699.811.492</b>

**3. HÀNG TỒN KHO**

31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Giá gốc của hàng tồn kho	

- Nguyên liệu, vật liệu	989.453.764	828.475.532
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	344.054.115.863	243.327.948.455
- Thành phẩm	27.390.464.148	25.808.053.982
- Hàng hóa bất động sản	17.171.902.636	30.587.267.636
<b>Tổng cộng</b>	<b>389.605.936.411</b>	<b>300.551.745.605</b>

**4. PHẢI THU DÀI HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu dài hạn khách hàng</b>	<b>59.384.681.269</b>	<b>64.068.541.828</b>

*Chi tiết số dư khoản mục phải thu dài hạn khách hàng của Công ty tại ngày 31/12/2011 là:*

- Nguyễn Thành Hiệp	700.000.000	
- DNTN Trí Mỹ	16.951.788.000	16.951.788.000
- Nguyễn Thị Thanh Thủy	8.696.064.096	8.696.064.096
- Cty TNHH Nhân Lực	1.070.992.000	1.070.992.000
- Cty TNHH Nhân Lực	1.070.992.000	1.070.992.000
- Cty TNHH Nhân Lực	1.040.000.000	1.040.000.000
- Cty TNHH Nhân Lực	1.040.000.000	1.040.000.000
- Cty TNHH Nhân Lực	1.040.000.000	1.040.000.000
- Cty TNHH Nhân Lực	1.040.000.000	1.040.000.000
- Cty TNHH Nhân Lực	1.071.408.000	1.071.408.000
- Cty TNHH Nhân Lực	1.071.408.000	1.071.408.000
- Nguyễn Thị Xi	1.070.992.000	1.070.992.000
- Nguyễn Kim Hồng Đào	1.070.992.000	1.070.992.000
- Lý Bích Quyên	1.040.000.000	1.040.000.000
- Nguyễn Thị Thanh Thủy	1.040.000.000	1.040.000.000
- Mai Thị Hồng Nga	1.040.000.000	1.040.000.000
- Nguyễn Hoàng Nhã	1.040.000.000	1.040.000.000
- Nguyễn Anh Tuấn	1.071.408.000	1.071.408.000
- Trương Nguyễn Phượng Vy	1.071.408.000	1.071.408.000
- Lê Hoàng Phương	279.000.000	
- Nguyễn Thị Hồng Hạnh	217.000.000	
- Trần Thị Kiều Trang	224.790.000	240.390.000
- Phạm Nhật Thanh	239.000.000	
- Trần Vũ Bảo	302.925.000	
- Đặng Hoàng Chiêu		239.090.000
- Nguyễn Thị Tường Vi	226.090.000	240.390.000
- Hồ Hoàng Châm	373.384.950	
- Phan Văn Luận	34.580.000	34.580.000
- Trần Đông Hải	66.775.000	146.905.000
- Tạ Ngọc Hậu	132.000.000	168.000.000
- Nguyễn Thị Phượng Hoàng	150.970.000	174.970.000
- Trịnh Thị Bạch Tuyết	135.776.662	168.244.999

- Nguyễn Tường Đăng	308.316.667	
- Trần Anh Tuấn	223.290.000	239.090.000
- Nguyễn Quốc Hưng	168.272.998	
- Chung Quốc Đăng	476.000.000	
- Nguyễn Anh Dũng	171.388.165	186.970.000
- Nguyễn Tuấn Khôi	232.590.000	
- Cao Minh Thống	430.000.000	
- Nguyễn Quốc Việt	240.000.000	285.000.000
- Trần Thị Mỹ Khanh	261.900.000	
- Dương Thế Nghiêm	406.350.000	
- Nguyễn Văn Triết	396.150.000	
- Nguyễn Thị Thúy Hồng	351.866.668	364.000.000
- Chương Tường Anh	52.000.000	208.000.000
- Trần Hữu Khải	52.000.000	264.000.000
- Trần Hữu Khải	106.933.328	345.799.999
- Huỳnh Thị Kim Phượng	52.000.000	347.761.000
- Nguyễn Văn Tư	52.000.000	364.000.000
- Võ Thị Lệ Hằng	52.000.000	52.000.000
- Võ Thị Lệ hằng	52.000.000	52.000.000
- Dương Mậu	52.000.000	52.000.000
- Lê Minh Kỳ	145.984.000	145.984.000
- Hữu Thị Hà	29.000.000	100.000.000
- Phạm Thị Mỹ Nhung	56.000.006	73.333.335
- Phạm Thanh Bình	29.000.000	203.000.000
- Huỳnh Minh Quân	676.200.000	778.944.000
- Quách Dự Huy	29.000.000	200.000.000
- Phan Văn Liệt	202.825.001	213.500.000
- Nguyễn Văn Xuyên	155.000.000	179.000.000
- Hà Thanh Ngâu	149.450.000	181.475.000
- Nguyễn Thị Thanh Nga	82.500.000	84.000.000
- Huỳnh Thanh Mãi	29.000.000	29.000.000
- Nguyễn Thành Duy	32.000.000	32.000.000
- Đặng Văn Út Anh( Ngọc Diệp)	173.000.000	197.000.000
- Trần Thống Nhất	91.500.000	213.500.000
- Lưu Tấn Phúc	30.500.000	30.500.000
- Ngô Thanh Thà	30.500.000	30.500.000
- Trương Trúc Linh	365.147.400	413.147.400
- Trương Mỹ Hương	72.499.990	101.499.994
- Ngân Văn Nam	32.000.000	32.000.000
- Khru Ngọc Dung	29.000.000	29.000.000
- Lý Mỹ Loan	155.633.338	186.083.335
- Trần Thị Bạch Tuyết	184.800.000	204.400.000
- Nguyễn Thanh Tâm	29.000.000	131.950.007

- Trần Minh Hải	29.000.000	140.000.000
- Phạm Thanh Long	212.100.000	233.400.000
- Huỳnh Thanh Sang	29.000.000	91.499.994
- Trần Minh Thọ	29.000.000	29.000.000
- Dương Bảo Châu	222.300.000	240.900.000
- Nguyễn Phương Huyền	224.000.000	240.900.000
- Trần Văn Bửu	75.000.000	75.000.000
- Lê Phước Sang	63.040.000	63.040.000
- Lê Thị Xuân Lang	34.600.000	242.200.000
- Liêu Hải Triều	87.000.000	227.400.000
- Huỳnh Hoàng Thảo	143.000.000	179.000.000
- Nguyễn Duy Khang	32.000.000	32.000.000
- Ngô Thanh Vũ	207.000.000	227.400.000
- Kim Ngọc Long	207.000.000	227.400.000
- Ngô Thị Cẩm Nương	198.000.000	222.000.000
- Nguyễn Ngọc Danh	29.000.000	176.666.669
- Ngô Thị Kiều Tiên	193.000.000	193.000.000
- Trần Thị Cẩm Dung	218.900.000	236.400.000
- Bùi Thanh Long	207.000.000	227.400.000
- Võ Thị Hồng Liên	154.000.000	184.000.000
- Trần Thị Ngọc Huệ	79.000.000	101.000.000
- Trương Thanh Khải	143.000.000	173.000.000
- Nguyễn Văn Cường	245.400.000	259.700.000
- Đào Trường Hận	135.000.000	161.000.000
- Nguyễn Thanh Tùng	137.000.000	155.000.000
- Lê Tấn Lộc	176.000.000	194.000.000
- Trần Thị Xuân Hoa	29.000.000	203.000.000
- Nguyễn Thúy Ái	160.000.000	184.000.000
- Nguyễn Kim Hồng Đào	1.560.000.000	1.560.000.000
- Nguyễn Anh Tuấn	1.560.000.000	1.560.000.000
- Cty TNHH Tài Lực		5.528.775.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>59.384.681.269</b>	<b>64.068.541.828</b>

## 5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH, TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

### 5.1. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ</b>						
1. Số dư đầu năm	4.041.278.472	233.181.818	1.709.417.600	239.453.316		6.223.331.206
2. Số tăng trong năm	12.759.746.966		104.575.454	21.527.272		12.885.849.692
- Mua sắm mới			104.575.454	21.527.272		126.102.726



- Xây dựng mới	12.759.746.966				12.759.746.966
- Tăng do góp vốn					
<b>3. Số giảm trong năm</b>	<b>1.878.973.150</b>				<b>1.878.973.150</b>
- Thanh lý, nhượng bán	1.878.973.150				1.878.973.150
- Giảm khác					
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>14.922.052.288</b>	<b>233.181.818</b>	<b>1.813.993.054</b>	<b>260.980.588</b>	<b>17.230.207.748</b>

**II. Giá trị hao mòn lũy kế**

<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>629.360.751</b>	<b>53.901.532</b>	<b>305.697.041</b>	<b>168.008.325</b>	<b>1.156.967.649</b>
<b>2. Khấu hao trong năm</b>	<b>229.212.732</b>	<b>29.147.736</b>	<b>227.459.932</b>	<b>41.626.644</b>	<b>527.447.044</b>
- Khấu hao tăng trong năm	229.212.732	29.147.736	227.459.932	41.626.644	527.447.044
- Tăng khác					
<b>3. Giảm trong năm</b>	<b>271.407.240</b>				<b>271.407.240</b>
- Thanh lý nhượng bán	271.407.240				271.407.240
- Chuyển sang TS					
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>587.166.243</b>	<b>83.049.268</b>	<b>533.156.973</b>	<b>209.634.969</b>	<b>1.413.007.453</b>

**III. Giá trị còn lại của TSCĐ**

<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>3.411.917.721</b>	<b>179.280.286</b>	<b>1.403.720.559</b>	<b>71.444.991</b>	<b>5.066.363.557</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>14.334.886.045</b>	<b>150.132.550</b>	<b>1.280.836.081</b>	<b>51.345.619</b>	<b>15.817.200.295</b>

**5.2. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm kế toán	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>			<b>42.047.000</b>		<b>42.047.000</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>					
- Mua trong năm					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tăng khác					
<b>3. Số giảm trong năm</b>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>4. Số dư cuối năm</b>			<b>42.047.000</b>		<b>42.047.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>			<b>11.169.091</b>		<b>11.169.091</b>

<b>2. Khấu hao trong năm</b>	<b>8.409.396</b>	<b>8.409.396</b>
<b>3. Giảm trong năm</b>		
- Thanh lý nhượng bán		
- Giảm khác		
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>19.578.487</b>	<b>19.578.487</b>

**III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH**

<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>30.877.909</b>	<b>30.877.909</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>22.468.513</b>	<b>22.468.513</b>

**6. ĐẦU TƯ VÀO CTY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>31/12/2011</i>	<i>01/01/2011</i>		
	<i>VND</i>	<i>VND</i>		
	<i>Số lượng CP</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng CP</i>	<i>Giá trị</i>
- Công ty TNHH Nhứt Trung Anh		20.640.000.000		

*Ghi chú: - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 20 tháng 09 năm 2011 của Cty TNHH Nhứt Trung Anh với số vốn điều lệ là 45 tỷ đồng (Công ty CP ĐT&PT Đô Thị Dầu Khí Cửu Long góp số tiền 22.050.000.000 đ, chiếm 49%).*

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>31/12/2011</i>	<i>01/01/2011</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	73.148.137	17.583.104
<b>Tổng cộng</b>	<b>73.148.137</b>	<b>17.583.104</b>

**8. NỢ NGẮN HẠN**

**8.1. Vay ngắn hạn**

	<i>31/12/2011</i>	<i>01/01/2011</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Ngân hàng NN&PT NT Việt Nam - CN Sóc Trăng	50.000.000.000	42.000.000.000
- Ngân hàng Ngoại Thương VN - CN Sóc Trăng	25.000.000.000	21.000.000.000
- Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL - CN Sóc Trăng	9.500.000.000	9.500.000.000
- UTXICO	65.000.000.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>149.500.000.000</b>	<b>72.500.000.000</b>

**Ghi chú:**

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Hạn mức	31/12/2011 VND	Hình thức đảm bảo khoản vay
770/HĐTD	2/04/2010	12 tháng	Theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	50 tỷ VND	50.000.000.000	Thế chấp QSD đất khu đô thị 5A
<b>Cộng</b>					<b>50.000.000.000</b>	

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Hạn mức	31/12/2011 VND	Hình thức đảm bảo khoản vay
263/NHNT.ST	26/08/2011	12 tháng	Theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	25 tỷ VND	25.000.000.000	Thế chấp QSD đất khu đô thị 5A
<b>Cộng</b>					<b>25.000.000.000</b>	

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL - Chi nhánh Sóc Trăng là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Hạn mức	31/12/2011 VND	Hình thức đảm bảo khoản vay
0044.10/HĐTD	14/04/2010	12 tháng	Theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	9,5 tỷ VND	9.500.000.000	Thế chấp QSD đất khu đô thị 5A
<b>Cộng</b>					<b>9.500.000.000</b>	

## 8.2. Phải trả người bán

31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>9.452.808.413</b>	<b>3.248.659.545</b>

**Chi tiết số dư khoản mục phải trả người bán của Công ty tại ngày 31/12/2011 là:**

- DNTN Trung Hưng Mỹ Xuyên		128.240.000
- Cty CP Xây Dựng Giao Thông Sóc Trăng	44.640.100	
- DNTN Bà Triệu	39.011.555	18.584.992
- Cửa Hàng VLXD Tân Hiệp		173.026.203
- Cty TNHH Nhân Lực	486.005.349	336.878.013
- DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HÙNG	1.711.886.583	464.003.945
- Cty TNHH Trần Liên Hưng (Sơn)	32.992.900	34.739.500
- DNTN Đường Quý	13.420.000	82.548.300
- Cty TNHH Khánh Vân		134.221.800
- Cty TNHH Tài Lực	2.823.518.012	1.591.882.156
- Cty TNHH Nguyễn Tài	252.993.332	139.907.936
- Cty TNHH Nguyễn Hùng phát	979.918.175	144.626.700
- Cty TNHH Tư vấn Thiết kế kiến trúc Xây dựng Bách Việt	578.283.152	
- DNTN Tấn Lộc	1.562.991.754	

- Cty CP Tư vấn KĐ XD Miền Tây	740.000.000	
- Cty TNHH Hữu Toàn	187.147.501	
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.452.808.413</b>	<b>3.248.659.545</b>

**8.3 Người mua trả trước**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>7.300.866.361</b>	<b>1.658.060.100</b>

**Chi tiết số dư khoản mục người mua trả trước của Công ty tại ngày 31/12/2011 là:**

- Công ty TNHH Nhân Lực		480.000.000
- Công ty TNHH Tài Lực		450.000.000
- Công ty TNHH Thuận Tiến		85.800.000
- Cty Cp Tư Vấn Kiểm định Xây dựng Miền Tây		85.800.000
- Cty Cp Tư Vấn Kiểm định Xây dựng Miền Tây		85.800.000
- Nguyễn Văn Thi	160.000.000	
- Nguyễn Hồng Thái		20.000.000
- Trần Thanh Quân		10.000.000
- Lâm Thu Hương		10.000.000
- Mai Thị Đào		10.000.000
- Huỳnh Ngọc Khanh	26.710.000	
- Kỳ Thị Tuyết Mai	30.000.000	
- Nguyễn Thị Búp	31.000.000	
- Lý Chí Hon	16.000.000	
- Điền Huỳnh Tuấn Kiệt	31.000.000	
- Võ Hoàng Sơn	31.000.000	
- Lục Kim Dung	31.000.000	
- Đào Ngọc Vũ	31.000.000	
- Trang Minh Trung		28.000.000
- Huỳnh Tiết Ngân		10.000.000
- Nguyễn Hoàng Khải	80.130.000	
- Ngô Ngọc Tân		26.710.000
- Nguyễn Ngọc Minh		121.500.000
- Trần Nghĩa		30.000.000
- Nguyễn Trần Xuân Thảo		10.000.000
- Quách Uyên Ly		40.000.000
- Tiêu Văn Nhanh		10.000.000
- Công ty TNHH Minh Lộc	77.000.000	
- Lê Minh Hoàng	10.000.000	
- Lê Thanh Tiền	10.000.000	
- Nguyễn Tuấn Kiệt		46.000.000

- Lý Quốc Tuấn		46.000.000
- Trần Hữu Tuấn		28.500.000
- Trương Thị Ngọc Dung		23.950.100
- Nguyễn Thị Phúc	126.438.790	
- Vương Thị Khên	124.615.154	
- Trần Thị Hồng Hà	124.615.154	
- Hồ Văn Quang	126.438.790	
- Lâm Chí Cường	128.263.000	
- Trần Hữu Trục	128.262.427	
- Lâm Thành Trung	131.910.000	
- Trần Văn Huỳnh	128.263.000	
- Trần Thị Thu Ba	128.262.427	
- Nguyễn Thị Tuyết Hoa	128.263.000	
- Nguyễn Thị Tuyết Hoa	128.263.000	
- Cao Văn Tài	128.263.000	
- Nguyễn Trung Quốc	128.262.427	
- Nguyễn Trung Quốc	128.262.427	
- Trần Hoàng Tuấn	130.086.063	
- Đoàn Thị Thu Phương	130.086.063	
- Bùi Thị Lượm	130.086.063	
- Đoàn Thị Thu Thủy	130.086.063	
- Huỳnh Thị Lượm	130.083.063	
- Trịnh Thúy Hậu	130.086.063	
- Đoàn Văn Chương	130.086.063	
- Nguyễn Ngọc Lợi	131.909.700	
- Nguyễn Ngọc Thanh	131.909.700	
- Trần Thị Ngọc Sương	131.909.700	
- Bùi Văn Đăng	131.909.700	
- Lâm Ngọc Hương	131.909.700	
- Vương Tấn Lợi	131.909.700	
- Trần Thị Bích Thy	133.733.336	
- Ngô Tấn Kiệt	133.733.336	
- Nguyễn Thị Tâm	133.733.336	
- Trần Văn Minh	135.556.972	
- Triệu Thượng Quỳnh	135.556.972	
- Nguyễn Thị Điều Dân	137.380.609	
- Nguyễn Thị Kim Cúc	106.378.790	
- Võ Lệ Liễu	108.202.426	
- Võ Ngọc Tuyết	164.127.276	

- Tôn Thất Hoàng Anh Tuấn	122.791.518	
- Đặng Sử Nghĩa	115.496.972	
- Châu Kiều Thùy Trang	143.459.397	
- Lưu Tấn Kiệt	100.907.881	
- Châu Thanh Phong	137.380.609	
- Hồng Hỷ	135.556.972	
- Phạm Thị Xiêng	135.556.972	
- Trần Thị Tuyết Linh	133.733.336	
- Hà Vĩnh San	122.791.518	
- Liễu Thị Lai	122.791.518	
- Nguyễn Thành Khiêm	120.967.881	
- Quách Tỷ Thuận	120.967.881	
- Trịnh Hoàng Tuấn	124.615.154	
- Trần Quốc Bình	124.615.154	
- Lý Hồng Sơn	124.615.154	
- Phan Thị Ánh Nguyệt	124.615.154	
- Nguyễn Thị Tuyết Hoa	25.320.000	
- Nguyễn Trung Quốc	21.000.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.300.866.361</b>	<b>1.658.060.100</b>

**8.4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:**

**8.4.1 Thuế phải nộp nhà nước**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
1. Thuế GTGT	304.689.080	1.143.996.745
2. Thuế TTĐB		
3. Thuế xuất, nhập khẩu		
4. Thuế TNDN	5.411.287.225	3.915.512.900
5. Thuế TNCN	728.281.250	38.156.956
6. Thuế tài nguyên		
7. Thuế nhà đất		
8. Tiền thuê đất		
9. Các loại thuế khác	126.585.560	23.200.000

**8.4.2 Các khoản phải nộp khác**

- Các khoản phí, lệ phí
- Các khoản phải nộp khác

<b>Tổng cộng</b>	<b>6.570.843.115</b>	<b>5.120.866.601</b>
------------------	----------------------	----------------------

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác

nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**8.5. Phải trả người lao động**

	<i>31/12/2011</i> <b>VND</b>	<i>01/01/2011</i> <b>VND</b>
1. Lương phải trả	1.315.621.077	
+ Lương nhân viên văn phòng	171.596.617	
+ Lương Ban quản lý dự án khu 5A	330.904.151	
2. Chi tiết các khoản phải trả khác cho NLD	813.120.309	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.315.621.077</b>	-

**8.6. Chi phí phải trả**

	<i>31/12/2011</i> <b>VND</b>	<i>01/01/2011</i> <b>VND</b>
- Chi phí lãi vay	8.098.266.667	
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.098.266.667</b>	-

**8.7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<i>31/12/2011</i> <b>VND</b>	<i>01/01/2011</i> <b>VND</b>
- Các khoản phải nộp khác	2.400.000.000	-
+ Công ty TNHH XD&TM Tài Lực	2.400.000.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.400.000.000</b>	-

**9. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

**9.1. Vay dài hạn**

	<i>31/12/2011</i> <b>VND</b>	<i>01/01/2011</i> <b>VND</b>
- Nguyễn Văn Thành	500.000.000	
- Nguyễn Thị Xi	5.000.000.000	
- Nguyễn Anh Linh	47.000.000.000	
- Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí VN - CN Cần Thơ	50.000.000.000	75.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>102.500.000.000</b>	<b>75.000.000.000</b>

**Ghi chú:**

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	31/12/2011 VND	Hình thức đảm bảo khoản vay
20/2009/HĐTDTH-TCDK-CNCT	30/10/2009	48 tháng	Theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	50.000.000.000	
<b>Cộng</b>				<b>50.000.000.000</b>	

**10. Vốn chủ sở hữu**

**10.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A	1	2	3	5	6	7	8
<b>- Số dư đầu năm</b>	<b>250.000.000.000</b>	-	-	-	<b>4.270.594.725</b>	<b>2.135.297.363</b>	<b>27.315.710.476</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	-	-	<b>815.885.424</b>	<b>407.942.712</b>	<b>8.158.854.234</b>
- Tăng vốn							
- Lợi nhuận tăng trong năm							8.158.854.234
- Trích lập quỹ					815.885.424	407.942.712	
- Tăng khác							
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-	-	<b>27.039.713.560</b>
- Chia cổ tức							25.000.000.000
- Trích lập quỹ							2.039.713.560
- Giảm khác							
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>250.000.000.000</b>	-	-	-	<b>5.086.480.149</b>	<b>2.543.240.075</b>	<b>8.434.851.150</b>

**10.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2011			Tại ngày 01/01/2011		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-	-	-	-	-
Vốn góp (cổ đông, thành viên...)	250.000.000.000	250.000.000.000	-	250.000.000.000	250.000.000.000	-
<i>Trong đó:</i>						
- Do pháp nhân nắm giữ	109.346.250.000	109.346.250.000	-	109.346.250.000	109.346.250.000	-
- Do thể nhân nắm giữ	140.653.750.000	140.653.750.000	-	140.653.750.000	140.653.750.000	-
Thặng dư vốn cổ phần						
Cổ phiếu ngân quỹ(*)						
<b>Tổng cộng</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>-</b>

**10.3. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	5.086.480.149	4.270.594.725
- Quỹ dự phòng tài chính	2.543.240.075	2.135.297.363

**Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

**10.3.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:**



- a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- b) Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

**10.3.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để**

- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

**10.3.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:**

- a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty .
- c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

**10.3.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:**

- a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

**11. DOANH THU**

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
	NĂM 2011 VND	NĂM 2010 VND
<b>11.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>83.562.691.338</b>	<b>162.333.653.443</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	11.654.663.637	6.924.630.427
- Doanh thu bán thành phẩm	71.798.936.792	155.336.295.744
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	109.090.909	72.727.272
<b>- Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>4.447.626.041</b>	
+ Hàng bán bị trả lại	4.447.626.041	-
<b>- Doanh thu thuần</b>	<b>79.115.065.297</b>	<b>162.333.653.443</b>
+ Doanh thu thuần bán hàng hóa	11.654.663.637	6.924.630.427
+ Doanh thu thuần bán thành phẩm	67.351.310.751	155.336.295.744
+ Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	109.090.909	72.727.272
+ Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	-	-

**11.2. Doanh thu hoạt động tài chính**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Doanh thu hoạt động tài chính khác (mua hàng trả góp)

	<b>797.428.815</b>	<b>1.270.658.656</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	450.897.469	68.730.796
- Doanh thu hoạt động tài chính khác (mua hàng trả góp)	346.531.346	1.201.927.860

**11.3. Thu nhập khác**

- Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản TSCĐ

	<b>1.272.727.273</b>	<b>54.545.455</b>
- Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản TSCĐ	1.272.727.273	54.545.455

**12. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>NĂM 2011 VNĐ</b>	<b>NĂM 2010 VNĐ</b>
- Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	10.376.023.816	5.628.804.992
- Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	52.919.821.904	105.669.788.899
- Giá vốn cung cấp dịch vụ		
- Giá vốn hợp đồng xây dựng		
<b>Tổng cộng</b>	<b>63.295.845.720</b>	<b>111.298.593.891</b>

**13. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>NĂM 2011 VNĐ</b>	<b>NĂM 2010 VNĐ</b>
- Chi phí lãi vay	797.428.815	1.270.658.656
<b>Tổng cộng</b>	<b>797.428.815</b>	<b>1.270.658.656</b>

**14. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>NĂM 2011 VNĐ</b>	<b>NĂM 2010 VNĐ</b>
- Chi phí bảo hành	1.227.270	21.010.000
- Chi phí bằng tiền khác	792.212.943	569.449.908
<b>Tổng cộng</b>	<b>793.440.213</b>	<b>590.459.908</b>

**15. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>NĂM 2011 VNĐ</b>	<b>NĂM 2010 VNĐ</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.140.867.934	2.269.673.830
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.372.740.935	197.636.886
- Chi phí khấu hao TSCĐ	175.777.582	267.441.880
- Thuế, phí, lệ phí	183.811.920	164.965.421

- Chi phí dịch vụ mua ngoài	247.201.944	181.820.734
- Chi phí bằng tiền khác	842.789.333	408.852.371
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.963.189.648</b>	<b>3.490.391.122</b>

## 16. CHI PHÍ KHÁC

CHỈ TIÊU	NĂM 2011 VNĐ	NĂM 2010 VNĐ
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.586.688.430	53.112.508
- Chi phí khác	94.000.000	35.788.467
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.680.688.430</b>	<b>88.900.975</b>

## 17. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

CHỈ TIÊU	NĂM 2011 VNĐ	NĂM 2010 VNĐ
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.495.774.325	10.859.966.147
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.495.774.325</b>	<b>10.859.966.147</b>

### **Ghi chú:**

*Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:*

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.654.628.559	46.919.853.002
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN (*)	84.000.000	37.788.467
+ Các khoản điều chỉnh tăng	84.000.000	37.788.467
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
- Tổng thu nhập được miễn, giảm thuế TNDN	6.259.218.763	5.918.906.559
- Tổng thu nhập chịu thuế	3.479.409.796	41.038.734.910
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.495.774.325	10.859.966.147
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.158.854.234	36.059.886.855

**Ghi chú:** Theo như Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn Nghị định số 24/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành: Công ty thuộc đối tượng được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế suất Thuế TNDN phải nộp cho 6 năm tiếp theo với thuế suất ưu đãi là 20%.

## 18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>NĂM 2011 VNĐ</b>	<b>NĂM 2010 VNĐ</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	8.158.854.234	36.059.886.855
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.158.854.234	36.059.886.855
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.000.000	21.774.321
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	326	1.656

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>NĂM 2011 VNĐ</b>	<b>NĂM 2010 VNĐ</b>
<b>Chỉ tiêu</b>		
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.776.596.010	178.280.301.885
2. Chi phí nhân công	4.031.618.699	2.271.630.370
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	745.020.279	578.339.797
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	490.457.793	19.983.009.509
5. Chi phí khác bằng tiền	1.270.229.358	730.983.570
<b>Tổng cộng</b>	<b>71.313.922.139</b>	<b>201.844.265.131</b>

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**


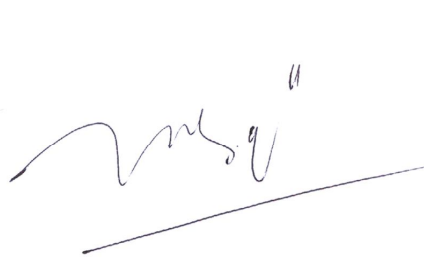
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs). Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

*Tp.Sóc Trăng, ngày 12 tháng 01 năm 2012*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm**

**Lê Phước Sang**

**Nguyễn Triệu Đông**

## V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### 1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

- Ý kiến của kiểm toán độc lập:

+ Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

+ Công ty đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành.

+ Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long tại ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và Quy định pháp lý có liên quan.

### 2. Kiểm soát nội bộ

- Ý kiến của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đồng ý với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các Báo cáo tài chính của Công ty và tổ chức kiểm toán độc lập.

- Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho Công ty trong các hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty.

- Ban kiểm soát đồng ý với các đánh giá của Công ty kiểm toán như đã trình bày ở trên.

## VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

**1. CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**, Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối Công ty niêm yết.

Vốn điều lệ: 295.000.000.000 đồng.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Ngày thành lập: 15/06/2006 theo giấy CNĐKKD số 2200203836
- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Tổng Giám đốc

**Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Nuôi trồng, chế biến và mua bán thủy hải sản. Nuôi trồng, sản xuất và mua bán con giống thủy sản các loại.
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê kho chứa hàng; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng.
- Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu về chế biến hàng xuất khẩu; máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.
- Cho thuê xe có động cơ.
- Chế biến, xuất khẩu các mặt hàng nông sản.

Tình hình góp vốn của Công ty cổ phần chế biến Thủy sản Út Xi vào Công ty là 46.125.000.000 đồng/ 250.000.000.000 đồng (chiếm tỉ lệ 18,45%).

**2. CÔNG TY TNHH NHỨT TRUNG ANH**, công ty được PVCL góp vốn đầu tư.

Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ: 66, lô KTM 06, đường số 6, khu đô thị 5A, P4, TP.Sóc trăng, Sóc Trăng
- Ngày thành lập: 08/04/2010 theo giấy CNĐKDN số 2200519766
- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Giám đốc.

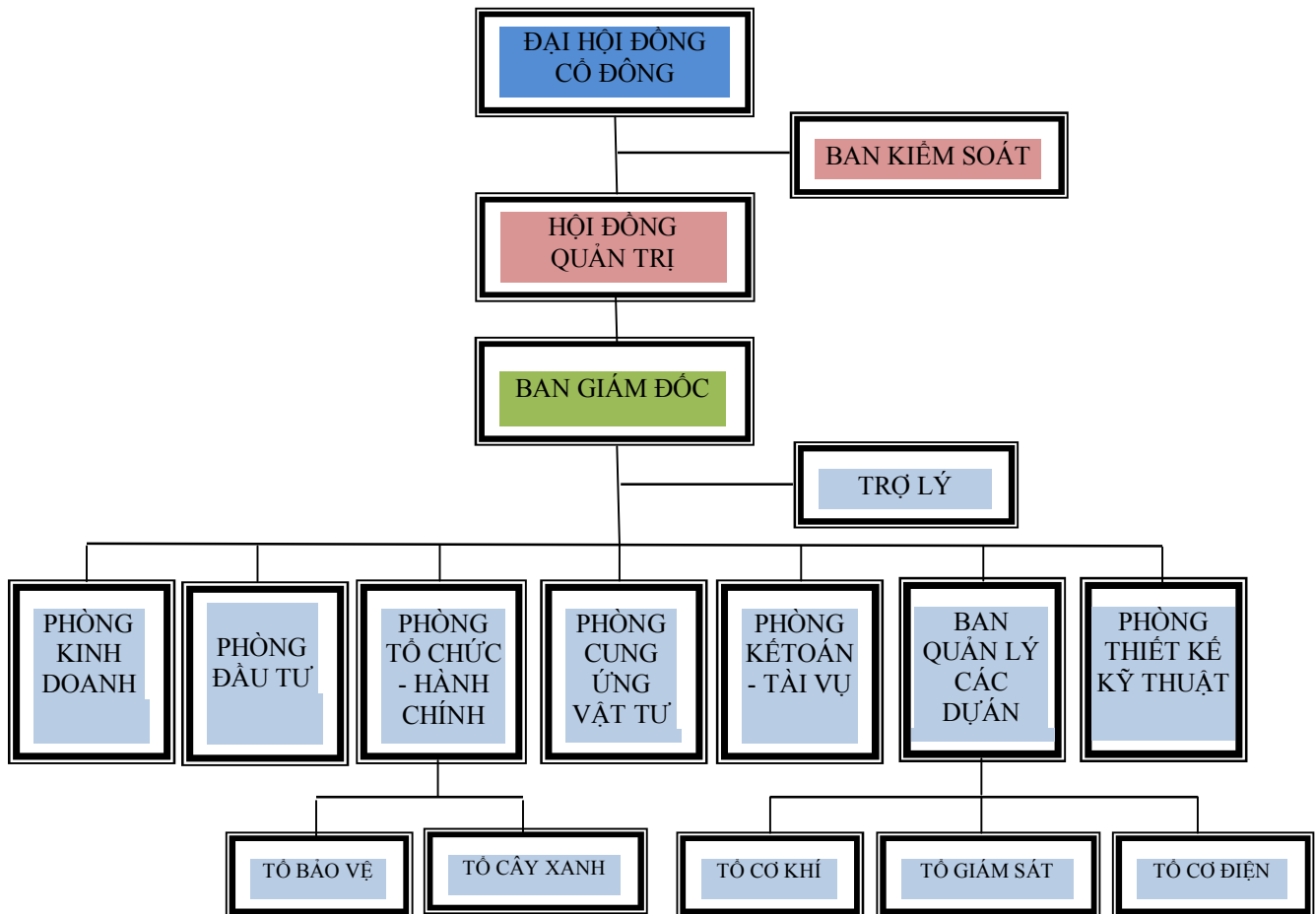
**Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Đào tạo dạy nghề lái xe ô tô, xe gắn máy.
- Bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan
- Xây dựng nhà các loại, công trình đường bộ, công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống
- Dịch vụ ăn uống và phục vụ lưu động
- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Cho thuê xe có động cơ
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. TỔ CHỨC

#### SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông Nguyễn Triệu Đông**

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
kiêm Giám đốc



**Ông Nguyễn Tuấn Anh**

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Triệu Đông sinh năm 1960, tại Mỹ Xuyên, Sóc Trăng. Chỗ ở hiện tại: Số 17, lô SL01 đường số 11, Khu đô thị 5A, phường 4, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

Ông công tác tại PVCL từ năm 2007.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn:  
Quản trị kinh doanh.

Trước đây ông đã có thời gian tham gia công tác tại Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty thương mại Cần Thơ). Năm 2001, ông đã cùng với một số thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi. Ông tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế. Hiện ông đồng thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi.

Ông Nguyễn Tuấn Anh sinh năm 1968 tại Chu Minh, Chu Quyến, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây. Chỗ ở hiện tại: LK01-39, đường B, KDC Minh Châu, Phường 7, TP. Sóc Trăng.

Ông công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long từ năm 2007.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh, Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Cử nhân Anh văn và Cử nhân Nga văn.

Ông đã từng làm việc tại Công ty Liên doanh Khách sạn Embassy và sau đó giữ chức vụ Phó phòng Nghiệp vụ Ngân hàng A.LYON. Hiện ông đồng thời giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi.





**Ông Nguyễn Hoàng Phương**  
Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Phương sinh năm 1972 tại Mỹ Xuyên Sóc Trăng. Chỗ ở hiện tại: Số 35, Lý Đạo Thành, P.6, Tp. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

Ông là thành viên Hội đồng quản trị PVCL từ năm 2010.

Trình độ văn hóa: 12/12

Năm 2002, ông đã cùng với một số thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi. Hiện ông đồng thời giữ chức vụ thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi và Giám đốc Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phương.



**Ông Trương Văn Phước**  
Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Trương Văn Phước sinh năm 1959 tại Mỹ Xuyên Sóc Trăng. Chỗ ở hiện tại: Số 75-77, Khu Dân cư Minh Châu, Quốc lộ 1A, phường 7, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

Ông là thành viên Hội đồng quản trị PVCL từ năm 2010.

Trình độ văn hóa: 12/12

Ông đã từng có thời gian công tác tại Công ty Nông sản Thực phẩm tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty Thương mại Cần Thơ). Năm 2002, ông đã cùng với một số thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi. Hiện ông đồng thời đảm trách chức vụ thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi.



**Ông Dương Thế Nghiêm**  
Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Dương Thế Nghiêm sinh năm 1959, tại Liêu Tú, Trần Đề, Sóc Trăng. Chỗ ở hiện tại: số 25, LK33, đường số 8, khu đô thị 5A, P4, TP. Sóc Trăng.

Ông công tác tại PVCL từ năm 2007.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Toán ứng dụng và Quản trị kinh doanh.

Ông đã từng là Trưởng phòng kinh doanh của Công ty TNHH XD& TM Minh Châu – tiền thân của PVCL, Trưởng phòng Kế hoạch – Xí nghiệp Tầm Đũa xuất khẩu thuộc Công ty Lâm sản Tp.HCM, Phó phòng Lâm đặc sản - Công ty Hợp tác XNK với Lào tại TP.HCM, Chánh văn phòng Đảng ủy Xã Liêu Tú, h. Long Phú (nay là h. Trần Đề), Sóc Trăng. Hiện ông là thành viên HĐQT của PVCL kiêm Phó Giám đốc.

**BAN GIÁM ĐỐC**



**Ông Nguyễn Triệu Đông**  
Giám đốc

Ông Nguyễn Triệu Đông sinh năm 1960, tại Mỹ Xuyên, Sóc Trăng. Chỗ ở hiện tại: Lô BĐ 01-03, đường B, KDC Minh Châu, Quốc lộ 1A, phường 7, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng.

Ông công tác tại PVCL từ năm 2007.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Trước đây ông đã có thời gian tham gia công tác tại Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty thương mại Cần Thơ). Năm 2001, ông đã cùng với một số thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi. Ông tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế. Hiện ông đồng thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi.



**Ông Nguyễn Sông Gianh**  
Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Sông Gianh sinh năm 1966, tại Đồng Hới, Quảng Bình. Chỗ ở hiện tại: LK01-41, KDC Minh Châu, P.7, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ông công tác tại PVCL từ năm 2007.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chính trị.

Quá trình công tác: Từ năm 1982 đến năm 2007: Bộ đội; Từ tháng 11/2007 đến nay: Làm việc tại PVCL. Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty.



**Ông Dương Thế Nghiêm**  
Phó Giám đốc

Ông Dương Thế Nghiêm sinh năm 1959, tại Liêu Tú, Trần Đề, Sóc Trăng. Chỗ ở hiện tại: số 25, LK33, đường số 8, khu đô thị 5A, P4, TP. Sóc Trăng.

Ông công tác tại PVCL từ năm 2007.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Toán ứng dụng và Quản trị kinh doanh.

Ông đã từng là Trưởng phòng kinh doanh của Công ty TNHH XD& TM Minh Châu – tiền thân của PVCL, Trưởng phòng Kế hoạch – Xí nghiệp Tầm Đũa xuất khẩu thuộc Công ty Lâm sản Tp.HCM, Phó phòng Lâm đặc sản - Công ty Hợp tác XNK với Lào tại TP.HCM, Chánh văn phòng Đảng ủy Xã Liêu Tú, h. Long Phú (nay là h. Trần Đề), Sóc Trăng. Hiện ông là thành viên HĐQT của PVCL kiêm Phó Giám đốc Công ty.

## BAN KIỂM SOÁT



**Ông Dương Ngọc Đức**  
Trưởng Ban kiểm soát

Ông Dương Ngọc Đức sinh năm 1975, tại Cần Thơ. Chỗ ở hiện tại: Số 12, Trần Quang Diệu, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP Cần Thơ.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kinh tế Kỹ thuật – trường Đại học Thủy Sản Nha Trang.

Ông đã từng phụ trách công việc kế toán tại Công ty TNHH Út Xi, Công ty TNHH XD & TM Minh Châu (Sóc Trăng), Công ty TNHH Hồng Đức (Cần Thơ) và hiện nay là kế toán trưởng của Công ty TNHH Tài Lực (Sóc Trăng).



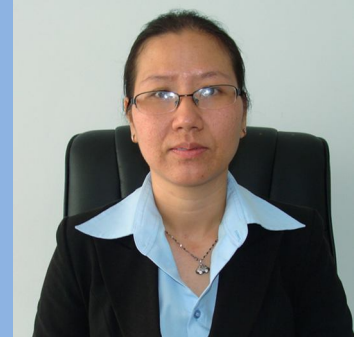
**Ông Trần Văn Bửu**  
Thành viên Ban kiểm soát

Ông Trần Văn Bửu sinh năm 1975, tại Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Chỗ ở hiện tại: Số 23, LK36, đường số 8, Khu đô thị 5A, phường 4, TP Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán tổng hợp.

Ông đã có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính. Ông từng giữ chức vụ kế toán tổng hợp của Công ty CP Cơ khí và Xây lắp điện Bạc Liêu và Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi.



**Bà Trần Thị Mỹ Khanh**  
Thành viên Ban kiểm soát

Bà Trần Thị Mỹ Khanh sinh năm 1977, tại Sóc Trăng. Chỗ ở hiện tại: Số 19, LK33, đường số 8, Khu đô thị 5A, phường 4, TP Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kinh tế Kỹ thuật – trường Đại học Thủy Sản Nha Trang.

Quá trình công tác bà đã từng phụ trách công việc kế toán tại Công ty TNHH Trung Nam, Kế toán trưởng Công ty TNHH Quốc Hải, và hiện nay là Kế toán trưởng Công ty TNHH Nhân Lực (Sóc Trăng).

## KẾ TOÁN TRƯỞNG



**Ông Lê Phước Sang**  
Kế toán trưởng

Ông Lê Phước Sang sinh năm 1980, tại xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện tại: Số 32, KTM 06, Đường số 6, Khu đô thị 5A, phường 4, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán tổng hợp.

Ông đảm trách chức vụ Kế toán trưởng của PVCL từ năm 2007. Trước khi công tác tại PVCL ông đã có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán qua thời gian công tác từ năm 2001 tại các công ty như Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Bạc Liêu, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi, Công ty TNHH XD&TM Minh Châu. Hiện ông đồng thời giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi.

## CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

**Hội đồng Quản trị: 5 người**

- Ông: Nguyễn Triệu Dũng : Chủ tịch
- Ông: Nguyễn Tuấn Anh : Thành viên
- Ông: Nguyễn Hoàng Phương : Thành viên
- Ông: Trương Văn Phước : Thành viên
- Ông: Dương Thế Nghiêm : Thành viên

**Ban Kiểm soát: 3 người**

- Ông: Dương Ngọc Đức : Trưởng ban
- Ông: Trần Văn Bửu : Thành viên
- Bà: Trần Thị Mỹ Khanh : Thành viên

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng: 4 người**

- Ông: Nguyễn Triệu Dũng : Giám đốc
- Ông: Nguyễn Sông Gianh : Phó Giám đốc
- Ông: Dương Thế Nghiêm : Phó Giám đốc
- Ông: Lê Phước Sang : Kế toán trưởng



## 2. NHÂN SỰ

### A. Số lượng lao động

Đến cuối năm 2011 tổng số lao động là 114 người (tăng 20 người), trong đó có 72 đoàn viên công đoàn (chiếm tỉ lệ 65,5% so với CB-CNV trong toàn Công ty).

100% CB-CNV sau khi được tuyển dụng, hoàn thành thời gian thử việc theo qui định của Công ty đều được ký kết Hợp đồng lao động và tham gia đầy đủ BHXH, BHYT; riêng đối với những trường hợp sau khi ký HĐLĐ được tròn 01 năm sẽ được mua Bảo hiểm thất nghiệp.

Năm	2008	2009	2010	2011
Số lượng nhân sự (người)	57	72	94	114

### B. Cơ cấu lao động 2011

Năm	2011	Tỷ lệ
Trên Đại học, Đại học	28	24,56%
Trung cấp, tương đương	20	17,54%
Công nhân có tay nghề	66	57,90%
<b>Tổng cộng</b>	<b>114</b>	<b>100%</b>

### C. Thu nhập

Thu nhập của người lao động bao gồm lương cứng, thưởng năng suất, thưởng kinh doanh và các khoản thưởng dịp tết, thưởng thi đua, thưởng đột xuất, thưởng cuối năm.

Năm	2008	2009	2010	2011
Thu nhập trung bình/nhân viên (đ/tháng)	2.575.000	3.473.000	4.000.000	4.000.000



## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (PVCL).

- Căn cứ vào tình hình hoạt động SXKD và BCTC năm 2011 của PVCL, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Ban kiểm soát xin báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính thứ IV- 2011 như sau:

#### BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY NĂM 2011

- Căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2011 của PVCL đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS). Ban kiểm soát ghi nhận số liệu báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.

- Tóm tắt tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long tại ngày 31/12/2011 như sau :

#### Tình hình cân đối tài chính năm 2011:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2011
<b>A. Tài sản</b>	
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>460.842.538.943</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	901.277.994
2. Phải thu ngắn hạn	70.335.324.538
3. Hàng tồn kho	389.605.936.411
4. Tài sản ngắn hạn khác	-
<b>II. Tài sản dài hạn</b>	<b>95.937.498.214</b>
1. Phải thu dài hạn	59.384.681.269
2. Tài sản cố định	15.839.668.808
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	20.640.000.000
4. Tài sản dài hạn khác	73.148.137
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>556.780.037.157</b>

<b>B. NGUỒN VỐN</b>	
<b>I. Nợ phải trả</b>	<b>290.715.465.783</b>
1. Nợ ngắn hạn	188.215.465.783
2. Nợ dài hạn	102.500.000.000
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>266.064.571.374</b>
1. Vốn chủ sở hữu	266.064.571.374
- Vốn ĐTư của chủ sở hữu	250.000.000.000
- Các quỹ	7.629.720.224
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.434.851.150
2. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>556.780.037.157</b>

#### Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2011
1. Tổng doanh thu	81.185.221.385
2. Tổng chi phí	71.530.592.826
3. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	9.654.628.559
4. Lợi nhuận khác	0
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	9.654.628.559
6. Thuế thu nhập DN	1.495.774.325
7. Lợi nhuận sau thuế	8.158.854.234

#### 1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2011:

CHỈ TIÊU	NĂM 2011
<b>1. Cơ cấu tài sản</b>	
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	82,77%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	17,23%
<b>2. Cơ cấu nguồn vốn</b>	
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	52,21%
Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	47,79%
<b>3. Khả năng thanh toán</b>	
Khả năng thanh toán nhanh	0,38 lần
Khả năng thanh toán hiện hành	2,45 lần
<b>4. Tỷ suất lợi nhuận</b>	
Tỷ suất LN sau thuế/ Tổng tài sản	1,47%
Tỷ suất LN sau thuế/ DT thuần	10,05%
Tỷ suất LNsau thuế/Vốnchủ sở hữu	3,26%

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC:

- Trong năm 2011, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long đã thực hiện tốt các chính sách về thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà nước như kê khai và nộp đầy đủ các khoản thuế, phí, lệ phí; các khoản Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, BH Thất nghiệp và Kinh phí Công đoàn.... Tổng số tiền Công ty đã nộp trong năm 2011 là 9.268.659.809 đồng.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long được hưởng đầy đủ các ưu đãi đầu tư về thuế thu nhập doanh nghiệp theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Theo đó, Công ty mới thành lập từ Dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn được hưởng các mức ưu đãi như sau:

- + Hưởng mức thuế suất thuế TNDN 20% trong vòng 10 năm (từ năm 2008-2017)
- + Miễn 02 năm thuế TNDN phải nộp (2008-2009) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 06 năm kế tiếp (2010-2015) kể từ khi Dự án có thu nhập chịu thuế.

*(trừ phần thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất).*

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUI ĐỊNH CHUNG CỦA CÔNG TY:

### Tình hình nhân sự:

- Về lao động: tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 là 114 người.
- Lương bình quân toàn công ty năm 2011 là 4.000.000 đồng/ người/ tháng.
- Về tiền thưởng: Trong năm 2011 Công ty đã chi thưởng cho Cán bộ - Công nhân viên toàn công ty với số tiền tổng cộng trên 814.120.309 đồng.

### Tình hình công nợ:

- Tình hình công nợ của Công ty đến thời điểm 31/12/2011 đã được theo dõi và kiểm soát chặt chẽ. Tất cả các khoản nợ đang ở trong tình trạng nợ tốt, chưa có dấu hiệu mất khả năng thanh toán.
- Việc xác nhận công nợ trong năm 2011 được thực hiện tốt, công nợ trên sổ sách

được đối chiếu chính xác với khách hàng hàng tháng và vào cuối năm 2011.

### Thủ tục kiểm soát về nghiệp vụ:

- Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện việc giám sát và kiểm tra định kỳ các quy trình, thủ tục nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các rủi ro có thể tác động xấu đến hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Mọi nghiệp vụ phát sinh đều được phản ánh đầy đủ trung thực và kịp thời trên các sổ sách của Công ty. Đồng thời hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty cũng được thường xuyên cập nhật và chỉnh sửa cho phù hợp với mọi hoạt động, để từng bước được nâng cao sao cho các quy trình và thủ tục ngày càng được hoàn thiện đảm bảo tuân thủ các chính sách của Công ty, Nhà nước và đảm bảo quyền lợi cho Cổ đông.

## TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY:

### Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị của công ty gồm có 5 thành viên. Các thành viên thực thi nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, đưa ra các quyết định kịp thời theo phương thức vì lợi ích cao nhất của công ty với mức độ cẩn trọng.

- Trong năm 2011, Hội đồng Quản trị công ty tổ chức các cuộc họp thường kỳ và bất thường để đánh giá và giải quyết các vấn đề có liên quan tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chương trình nghị sự của các cuộc họp HĐQT thường tập trung vào các vấn đề chủ yếu sau:

+ Xem xét và thông qua các quy chế làm việc của công ty như: Nội quy, Quy chế tài chính, Quy chế quản lý nhân sự, Quy chế lương - thưởng và chế độ cho người lao động....

+ Xem xét và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011.

+ Xem xét và thông qua phương án hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012.

+ Xem xét và thông qua Đại hội cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2011.

+ Xem xét và thông qua các phương án vay vốn nhằm bổ sung thêm vào nguồn vốn kinh doanh để đầu tư xây dựng các dự án của Công ty.

Qua xem xét các biên bản cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát nhận thấy các quyết định của HĐQT đều hướng đến mục đích chung là mang lại lợi ích cho Công ty, đảm bảo vai trò định hướng phát triển của công ty theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sáng lập và tuân thủ Pháp luật Nhà nước.

**Hoạt động của Ban Giám đốc điều hành:**

Ban Giám đốc điều hành có 3 thành viên, đứng đầu là Giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm, Ban Giám đốc triển khai thực hiện tốt các quyết định của HĐQT, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông sáng lập. Các thành viên Ban Giám đốc điều hành công việc dựa trên cơ sở nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty trên nguyên tắc tạo ra tài sản cho Cổ đông.

**Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Ban kiểm soát của công ty có 3 thành viên được bầu thông qua các cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông. Nhiệm kỳ đầu tiên của Ban kiểm soát là 04 năm (2008 - 2011), thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho Cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát họp định kỳ một năm hai lần để xem xét đánh giá hoạt động kinh doanh và điều hành Công ty.

- Căn cứ vào các hoạt động phát sinh năm 2011, Ban kiểm soát Công ty chưa phát hiện xảy ra trường hợp nào vi phạm các qui định nêu trong Điều lệ của Công ty và không nhận

được bất cứ đơn thư khiếu nại nào từ Cổ đông có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**NHẬN XÉT:**

- Năm 2011 là năm tài chính thứ tư, với sự quyết tâm cao của HĐQT và Ban Giám đốc; Công ty đã vượt qua được những khó khăn ban đầu và đã đạt được các kết quả khả quan nhất định.

- HĐQT và Ban Giám đốc có kế hoạch làm việc cụ thể, nhằm xác định các chiến lược của Công ty để phù hợp với từng giai đoạn thực hiện; đã từng bước tạo được lòng tin đối với các đối tác và khách hàng. Mục tiêu của Công ty là lấy chất lượng làm nền tảng để tạo bước phát triển mạnh mẽ và bền vững cho Công ty, và qua đó ngày càng khẳng định vị thế của mình trên thị trường kinh doanh bất động sản của địa phương cũng như trong khu vực.

- HĐQT, Ban Giám đốc đảm bảo việc làm ổn định và tăng thu nhập cho người lao động ngang bằng với xã hội nhưng đồng thời vẫn bảo vệ lợi ích chính đáng của Cổ đông.

Trân trọng !

Sóc Trăng, ngày 14 tháng 04 năm 2012

**TM. Ban Kiểm soát**  
**Trưởng ban**



**Dương Ngọc Đức**

**Mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011**

STT	Chức danh	Mức thù lao đồng/tháng
1	<b>Hội đồng quản trị</b>	
	Chủ tịch Hội đồng quản trị	7.000.000
	Thành viên Hội đồng quản trị	4.000.000
2	<b>Ban kiểm soát</b>	
	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000
	Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000



## CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU CỦA PVCL NĂM 2011

### 1. PVCL niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

Ngày 03/03/2011, PVCL niêm yết 25 triệu cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán CCL.



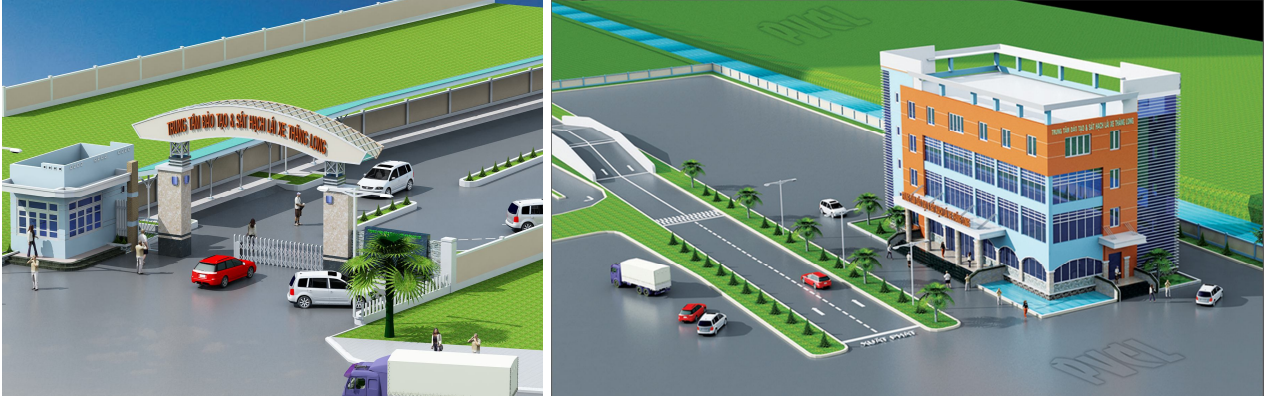
### 2. PVCL chuyển về trụ sở mới

Ngày 13/03/2011, PVCL đã chuyển về trụ sở mới ,tại số 02, lô KTM 06, đường số 6, Khu đô thị 5A, phường 4, TP. Sóc Trăng.



**3. PVCL góp vốn cùng Công ty TNHH Nhứt Trung Anh đầu tư Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Thăng Long.**

Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Nhứt Trung Anh xây dựng Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Thăng Long tại Km 2133+985, Quốc lộ 1A, Khóm 3, Phường 10, TP.Sóc Trăng.



**4. PVCL đầu tư xây dựng khu phố trung tâm thương mại Sóc Trăng.**

PVCL được UBND TP Sóc Trăng giao cho là đơn vị thi công xây dựng công trình Khu phố Thương mại Trung tâm TP. Sóc Trăng theo Quyết định số 3062/QĐHC-CTUBND ngày 24/10/2011

Khu phố chợ Trung tâm thành phố Sóc Trăng tọa lạc tại khu vực đường Nguyễn Huệ, Nguyễn Du và đường 30/4, bao gồm 96 căn hộ, trong đó xây dựng 59 căn cho hộ dân và 37 căn đầu tư đưa vào kinh doanh.



**5. PVCL đầu tư khu chợ đầu mối 5A.**

Ngày 20/01/2012 (nhằm ngày 27/12 âm lịch 2011) PVCL khai trương đưa khu chợ đầu mối trong khu đô thị 5A đi vào hoạt động, giải quyết nơi buôn bán cho các hộ bị di dời để xây dựng Khu phố chợ Trung tâm thành phố Sóc Trăng.



Bên cạnh khu chợ đầu mối 5A, PVCL cũng xây dựng 2 khu bến bãi phục vụ bốc dỡ và lưu thông hàng hóa.



**CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG**  
**ĐƠN VỊ THI CÔNG : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NHÂN LỰC**  
ĐỊA CHỈ : SỐ 02 KTM 06, KHU ĐÔ THỊ 5A PHƯỜNG 4, TP SÓC TRĂNG , TỈNH SÓC TRĂNG  
ĐT : 0793 627 999 FAX : 0793 627 888  
Website : www.dothi5a.com Email : pvcl@dothi5a.com



**KHU BẾN BÃI 02**  
Tổng diện tích: 1,731m<sup>2</sup>

## CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long được tổng hợp theo nhóm cổ đông tính đến ngày 13/03/2012 như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	% vốn điều lệ
<b>I.</b>	<b>Trong nước</b>	<b>162</b>	<b>24.499.850</b>	244.998.500.000	<b>98,00%</b>
	<i>Tổ chức</i>	9	11.327.575	113.275.750.000	45,31%
	<i>Cá nhân</i>	153	13.172.275	131.722.750.000	52,69%
<b>II.</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>7</b>	<b>500.150</b>	<b>5.001.500.000</b>	<b>2,00%</b>
	<i>Tổ chức</i>	-	-	-	-
	<i>Cá nhân</i>	7	500.150	5.001.500.000	2,00%
<b>Tổng cộng</b>		<b>169</b>	<b>25.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**Danh sách cổ đông lớn, nắm giữ trên 5% vốn cổ phần đến thời điểm 13/03/2012:**

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ trọng vốn điều lệ (%)
1	Ông Nguyễn Triệu Dũng	365271271	Số 17, lô SL 01, đường số 11, Khu đô thị 5A, P.4, TP. Sóc Trăng	8.200.000	32,80%
2	Công ty CP CB Thủy sản Ut Xi	2200203836	Tỉnh lộ 8, Xã Tài Văn, Trần Đề, Sóc Trăng	4.612.500	18,45%
3	Ông Nguyễn Hoàng Phương	365486866	Lô BĐ01-03, đường B, KDC Minh Châu, P7, TP.Sóc Trăng	1.409.375	5,64%
4	Công ty CP Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam - PVFI	102278170	Số 4A, Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	1.500.000	6,00%
5	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam	108/UBCK-GP	Tầng 5, số 172 Phố Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội	1.500.000	6,00%
<b>Tổng cộng</b>				<b>17.221.875</b>	<b>68,89%</b>

## **IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

### **Hoạt động và đóng góp của công ty với xã hội.**

Ngoài công tác quản lý và điều hành công ty, Ban Giám đốc cũng rất tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện. Trong năm 2011 đã đóng góp ủng hộ cho “Quỹ Vì người nghèo” do Ủy ban MTTQ Việt Nam TP.Sóc Trăng và UBND Phường 3 phát động; Hỗ trợ 1 căn nhà do chương trình “Mái ấm tình thương” của Đài PTTH Sóc Trăng thực hiện; tặng tiền, quà cho Trường Cao đẳng sư phạm thực hành; Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Sóc Trăng và tặng 5.000 quyển tập cho học sinh nghèo trong tỉnh... với tổng số tiền trên 250 triệu đồng.

**GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN TRIỆU DŨNG**

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG**

*Trụ sở: Số 2, lô KTM 06, đường số 6, Khu đô thị 5A, phường 4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.*

*Điện thoại: (079) 3627999 - Fax: (079) 3627888*

*Email: pvcl@dothi5a.com - Website: www.pvcl.com.vn*